
Buôn Ma Thuột, ngày 15 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
NĂM 2021

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 15/4/2021 tại Tầng 1, trung tâm tiệc cưới, Khách sạn Dakruco Hotels, địa chỉ 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk thành lập theo giấy phép kinh doanh số 6001271719 tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Thành phần tham dự cuộc họp:

1. Hội đồng quản trị

- | | |
|-------------------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Việt Tượng | - Chủ tịch HĐQT; |
| • Ông Bùi Quang Ninh | - Phó CT. HĐQT; |
| • Ông Lê Thanh Cần | - TV. HĐQT kiêm TGD; |
| • Bà Nguyễn Kim Hoa | - TV. HĐQT; |
| • Bà Nguyễn Thị Hải | - TV. HĐQT kiêm phó TGD; |
| • Ông Nguyễn Trần Giang | - TV. HĐQT; |
| • Ông Nguyễn Minh | - TV. HĐQT. |

2. Ban kiểm soát

- | | |
|------------------------|------------------|
| ○ Ông Nguyễn Thạc Hoàn | - Trưởng ban KS; |
| ○ Ông Phan Thanh Tân | - Thành viên; |
| ○ Ông Nguyễn Văn Thảo | - Thành viên. |

3. Ban điều hành

- | | |
|----------------------|------------------|
| ▪ Ông Lê Thanh Cần | - Tổng giám đốc; |
| ▪ Bà Nguyễn Thị Hải | - Phó TGD; |
| ▪ Ông Lê Thanh Cường | - KTT. |

4. Đại diện các Công ty con:

- Ông Nguyễn Lương Tri, Giám đốc Công ty TNHH Nông nghiệp CNC-DRI.
- Ông Nguyễn Đức Hạnh, Giám đốc Cty TNHH Cao su Đắk Lắk tại Lào;

5. Công ty Kiểm toán AFC Việt Nam

Báo vắng không tham dự.

6. Sự tham dự của 50 cổ đông và ủy quyền

PHẦN I. KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Kiểm tra tư cách cổ đông:

Ông Nguyễn Thạc Hoành Trưởng ban kiểm soát thông qua biên bản Kiểm tra tư cách cổ đông tham dự cuộc họp như sau:

+ Tổng số cổ đông được mời theo danh sách chốt cổ đông thời điểm 17/3/2021 là 3.643 cổ đông đại diện cho 73.200.000 cổ phần

+ Tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền : 50 cổ đông;

+ Đại diện cho : 72.797.370 cổ phần;

+ Đạt 72 %/ Tổng vốn điều lệ

Căn cứ khoản 1 điều 145 Luật DN cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đủ điều kiện để tiến hành.

2. Đại hội đồng cổ đông thống nhất bầu đoàn chủ tịch gồm:

- | | |
|-------------------------|---------------------------|
| - Ông Nguyễn Viết Tượng | - Chủ tịch HĐQT, chủ tọa; |
| - Ông Bùi Quang Ninh | - Phó CT. HĐQT; |
| - Ông Lê Thanh Cần | - Tổng Giám đốc. |

Chủ tọa đề cử Ban Thư ký gồm:

- | | |
|-----------------------------|-------------------------|
| - Bà Nguyễn Thị Hải | - Phó TGD, Thư ký HĐQT; |
| - Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền | - TBP. KD-XNK. |

3. Ông Nguyễn Viết Tượng, CT. HĐQT thông qua diễn văn khai mạc,

4. Ông Bùi Quang Ninh: thông qua chương trình và quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thay mặt đoàn chủ tịch giới thiệu Ban kiểm phiếu. ĐHĐCĐ thống nhất bầu Ban kiểm phiếu như sau:

- | | |
|----------------------|--------------|
| 1. Ông Trần Văn Tính | - Trưởng ban |
| 2. Bà Đỗ Thị Ninh | - TV, Thư ký |
| 3. Bà Võ thị Mỹ Lý | - Thành viên |

PHẦN II. THÔNG QUA CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH: (có các báo cáo kèm theo)

1. Ông Nguyễn Viết Tượng, chủ tịch HĐQT trình bày báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch thực hiện 2021;

2. Ông Lê Thanh Cần, Tổng giám đốc báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021.

3. Ông Nguyễn Thạc Hoành, Trưởng ban kiểm soát trình bày báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020, kế hoạch 2021.

4. Ông Bùi Quang Ninh, phó CT.HĐQT DRI, trình bày tóm tắt Báo cáo tài chính 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán AFC và giải trình về điểm nhấn mạnh của kiểm toán.

5. Ông Nguyễn Viết Tượng trình bày các nội dung xin ý kiến biểu quyết gồm:

1.Tờ trình số 02/TTr-CT ngày 22/3/2021 về các chỉ tiêu SXKD chính và kế hoạch đầu tư trong năm 2021;

2.Tờ trình số 03/TTr-CT ngày 22/3/2021 về Thông qua Điều lệ và các Quy chế của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;

3.Tờ trình số 04/TTr-CT ngày 22/3/2021 về xin đăng ký niêm yết cổ phiếu DRI tại Hose hoặc Hnx;

4.Tờ trình số 05/TTr-CT ngày 22/3/2021 về lựa chọn Cty kiểm toán BCTC 2021;

5.Tờ trình số 06/TTr-CT ngày 22/3/2021 về thù lao HĐQT-BKS 2021;

6.Tờ trình số 07/TTr-CT ngày 22/3/2021 về phân phối LN & trích lập các quỹ 2020;

7.Tờ trình số 08/TTr-CT ngày 22/3/2021 về phương án thanh lý những vườn cây năng suất kém tại Daklaoruco và trồng tái canh.

6. Phần thảo luận:

Cổ đông Nguyễn Bạch Mai có ý kiến như sau:

(1) Tờ trình số 08/TTr-CT ngày 22/3/2021 về phương án thanh lý những vườn cây năng suất kém tại Daklaoruco và trồng tái canh

+ Cần làm rõ hơn về lý do thanh lý như do thiên tai hay hết chu kỳ khai thác để cổ đông rõ hơn;

+ Về nhu cầu nguồn vốn đầu tư: đề nghị bổ sung thêm nguồn vốn từ bán cây cao su thanh lý vì đây là 01 nguồn tương đối lớn;

+ Về kết quả kinh doanh nên dùng từ dự kiến vì thời gian thực hiện còn dài.

(2) Tóm tắt BCTC kiểm toán

Nợ ngắn hạn liên tục giảm dần từ năm 2017 đến nay là dấu hiệu rất tốt, tuy nhiên Cty cũng cho biết thêm về nợ dài hạn là bao nhiêu, hiện nay lãi suất ngân hàng rất thấp, Công ty có dự kiến cơ cấu lại nợ hay không vì nếu cơ cấu lại sẽ giảm áp lực về tài chính sau này.

(3) Tờ trình số 02/TTr-CT ngày 22/3/2021 về các chỉ tiêu SXKD chính và kế hoạch đầu tư trong năm 2021 đề nghị kiểm tra lại dấu chấm, phẩy giữ các con số của Tổng chi phí, chi phí SXKD cao su, lợi nhuận trước thuế.

Ông Nguyễn Viết Tượng thay mặt đoàn chủ tịch trả lời chất vấn cổ đông như sau:

(1) Về Tờ trình số 08/TTr-CT ngày 22/3/2021 phương án thanh lý những vườn cây năng suất kém tại Daklaoruco và trồng tái canh:

- Về lý do thanh lý trong tờ trình chỉ nói ngắn gọn còn trong phương án thanh lý và tái canh công bố thông tin trên website DRI phản ánh chi tiết hơn. Tuy

nhiên đoàn chủ tịch sẽ rút kinh nghiệm lần sau sẽ trình bày cụ thể và rõ hơn còn đối với tờ trình số 08/TTr-CT sẽ bổ sung thêm cho rõ để công bố thông tin, cùng với Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ TN 2021;

- Về việc bổ sung thêm nguồn vốn từ bán cao su thanh lý, nội dung này về nguyên tắc là không bổ sung trực tiếp được mà khi phát sinh lợi nhuận từ bán gỗ cao su thanh lý sẽ ghi nhận vào lợi nhuận bất thường và đây là cơ sở để trích lập các quỹ trong đó có Quỹ Đầu tư Phát triển. Nói chung về dòng tiền thì sử dụng để tái đầu tư, song về hạch toán phải hạch toán cây cao su thanh lý trừ cho giá trị còn lại của vườn cây vào thu nhập tại thời điểm, sau khi đóng thuế sẽ phân phối cụ thể, trong đó có trích lập quỹ đầu tư phát triển, đầu tư tái canh vườn cao su.

(2) Về nợ dài hạn, hiện nay khoảng 204 tỷ đồng, hướng xử lý là khi có nguồn sẽ giảm tỷ trọng nợ dài hạn,

Đại hội đồng cổ đông thống nhất và không có ý kiến thêm.

7. Ông Trần Văn Tính, trưởng ban kiểm phiếu thông qua quy chế và hướng dẫn biểu quyết các chỉ tiêu chính của cuộc họp ĐHĐCĐ, Đại hội thực hiện biểu quyết các chỉ tiêu trong phiếu biểu quyết,

8. Đại hội nghỉ giải lao 10 phút và Ban Kiểm phiếu làm việc.

9. Ông Trần Văn Tính công bố kết quả biểu quyết các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Nội dung biểu quyết	% Tán thành	% Không TT	% Không YK
1	Biểu quyết thông qua Báo cáo Tài chính 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán AFC kiểm toán	99,7	0	0
2	Biểu quyết Báo cáo của HĐQT về hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021;	99,7	0	0,03
3	Biểu quyết Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và phương hướng năm 2021;	99,7	0	0,03
4	Biểu quyết Báo cáo của Ban điều hành về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và phương hướng 2021;	99,7	0	0,03
5	Tờ trình số 02/TTr-CT ngày 22/3/2021 về các chỉ tiêu SXKD & đầu tư chính năm 2021;	99,7	0	0,03
6	Tờ trình số 03/TTr-CT ngày 22/3/2021 thông qua toàn văn Điều lệ và các Quy chế, gồm: a) Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk; b) Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk; c) Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk.	99,7	0	0,03

7	Tờ trình số 04/TTr-CT ngày 22/3/2021 về đăng ký niêm yết cổ phiếu DRI trên sàn Hose hoặc Hnx trong năm 2020-2021 khi đủ điều kiện;	99,7		0,02
8	Tờ trình số 05/TTr-CT ngày 22/3/2021 về lựa chọn Cty kiểm toán BCTC 2020;	99,7	0	0,02
9	Tờ trình số 06/TTr-CT ngày 22/3/2021 về thù lao HĐQT-BKS 2021;	99,3	0	0,38
10	Tờ trình số 07/TTr-CT ngày 22/3/2021 về phân phối LN & trích lập các quỹ 2020;	99,3	0	0,38
11	Tờ trình số 08/TTr-CT ngày 22/3/2021 về thông qua phương án thanh lý và trồng tái canh vườn cây cao su kèm hiệu quả tại Daklaourco;	99,6	0	0,08

(Biên bản kiểm phiếu đính kèm)

PHẦN III. BẾ MẠC CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Ban thư ký đã đọc và thông qua Biên bản, Nghị quyết trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Thường niên của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk năm 2021 và được Đại hội thống nhất 100 % số cổ phiếu có cổ đông tham dự tại cuộc họp.

Biên bản và nghị quyết cùng các tài liệu liên quan sẽ được đăng trên Website Công ty tại địa chỉ www.dri.com.vn

2. Ông Nguyễn Viết Tượng tuyên bố bế mạc Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Biên bản được lập vào lúc 11 giờ 45 phút ngày 15/4/2021 ngay sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên kết thúc chương trình nghị sự

TM. BAN THƯ KÝ



NGUYỄN THỊ HẢI

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



**NGUYỄN VIẾT TƯỢNG
CHỦ TỊCH HĐQT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
CAO SU ĐẮK LẮK**

DRI

Số: 04 /NQ-CT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Buôn Ma Thuột, ngày 15 tháng 04 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK NĂM 2021**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk bắt đầu lúc 8 giờ 30 ngày 15/4/2021 tại Tầng 1 Trung tâm tiệc cưới, khách sạn Dakruco Hotels, địa chỉ 30 Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, với sự có mặt 50 cổ đông tham dự và ủy quyền, đại diện cho 72.797.370 cổ phần có quyền biểu quyết chiếm 72 % tổng số cổ phần của công ty DRI, đủ điều kiện để tiến hành cuộc họp.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;

Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk ngày 15/4/2021.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống nhất thông qua các báo cáo sau đây:

1. Báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch thực hiện 2021;
2. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ 2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư cao su Đắk Lắk;
3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch 2021;
4. Báo cáo Tài chính 2020 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán AFC;

Điều 2. Thống nhất thông qua một số chỉ tiêu tài chính và đầu tư cơ bản năm 2021 theo Tờ trình số 02/TTr-CT ngày 22/03/2021 của HĐQT;

Điều 3. Thống nhất thông qua toàn văn Điều lệ và các Quy chế sau theo Tờ trình số 03/TTr-CT ngày 22/3/2021 của HĐQT:

- Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;
- Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk.

- Điều 4.** Thống nhất xin đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (Hose) hoặc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Hnx) trong năm 2021-2022 theo trình 04/TTTr-CT ngày 22/03/2021 của HĐQT;

Điều 6. Thống nhất Thủ lao của HĐQT, Ban KS năm 2021 theo Tờ trình 06/TTr-CT ngày 22/03/2020 của HĐQT;

Điều 8. Thống nhất phương án thanh lý, tái canh vườn cao su kém hiệu quả tại Daklaoruco theo Tờ trình số 08/TTr-CT ngày 22/03/2021 của HĐQT;

Điều 9. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk giao cho HĐQT chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Nghị quyết này đã được ĐHĐCĐ thường niên 2021 Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 100 % trên số các cổ đông dự họp và có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

- HĐQT, BKS, Ban điều hành Cty;
- UBCKNN, VSD, Web Cty;
- Lưu VT.

CHỦ TỌA



NGUYỄN VIỆT TƯỢNG
CHỦ TỊCH HĐQT

DRI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: 59 Cao Thắng-TP. Buôn Ma Thuột-Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 0262-3865 787; Fax: 0262-3865 303

Website: www.dri.com.vn; Email: dri@dri.com.vn



BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG LẦN THỨ NHẤT CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK (Ngày 15 tháng 4 năm 2021)

Kính thưa: - Toàn thể Đại hội
- Quý cổ đông

Được sự phân công của HĐQT, thay mặt ban kiểm tra tư cách cổ đông, tôi xin báo cáo tình hình cổ đông đến tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 cụ thể như sau:

- Căn cứ Nghị quyết số: 02/NQ-HĐQT, ngày 22/02/2021 của HĐQT về việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
- Căn cứ Thông báo số: 07/TBCT, ngày 22/02/2021 về việc chốt danh sách cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, ngày giao dịch cuối cùng là ngày 17/03/2021
- Căn cứ danh sách cổ đông của công ty đến thời điểm ngày 17 tháng 03 năm 2021 là **3,643** cổ đông, tổng số cổ phần **73,200,000** cổ phần
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: **73,200,000** cổ phần
- Tổng số cổ đông được mời tham dự đại hội: **3,643** cổ đông, đại diện cho 100% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Số đại biểu là cổ đông hoặc được ủy quyền tham dự có mặt **50** người đại diện cho **52,797,370** cổ phần, chiếm **72.00%** số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ điều 141 Luật Doanh nghiệp Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều 34 Điều lệ CTCP DRI, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk năm 2021, tổ chức ngày 15 tháng 4 năm 2021 là hợp lệ, hợp pháp và đủ điều kiện để tiến hành.

TM/BAN KIỂM TRA
TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Nguyễn Oanh Hoàn

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Hôm nay, vào lúc 11 giờ 00 phút, ngày 15/04/2021 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Cao su Đắc Lắc Ban kiểm phiếu gồm có các ông, bà có tên sau:

- | | |
|-----------------------|------------|
| 1. Ông: Trần Văn Tính | Trưởng ban |
| 2. Bà Đỗ Thị Ninh | Thư ký |
| 3. Bà Võ Thị Mỹ Lý | Thành viên |

Đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết các nội dung tại Đại hội, kết quả như sau:

- Tổng phiếu có quyền biểu quyết: **73,200,000** cổ phần.
- Tổng số phiếu phát ra: **50** phiếu (Tương ứng **52,797,370** cổ phần).
- Tổng số phiếu thu vào: **48** phiếu (Tương ứng **52,660,850** cổ phần).

1. Biểu quyết thông qua Báo cáo Tài chính 2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán AFC kiểm toán

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: **52,797,370** cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: **52,634,103** cổ phần, chiếm tỉ lệ **99.7%** (Tỉ lệ qui định **51%**).
- Số phiếu không tán thành: **0** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.00%**.
- Số phiếu không có ý kiến: **0** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.00%**
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: **163,267** cổ phần, chiếm **0.31%**

Kết luận: Thông qua.

2. Biểu quyết thông qua các báo cáo tại Đại hội:

- Báo cáo hoạt động của HĐQT;
- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
- Báo cáo của Ban điều hành

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: **52,797,370** cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: **52,619,986** cổ phần, chiếm tỉ lệ **99.7%** (Tỉ lệ qui định **51%**).
- Số phiếu không tán thành: **0** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.00%**.
- Số phiếu không có ý kiến: **14,117** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.03%**
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: **163,267** cổ phần, chiếm **0.31%**

Kết luận: Thông qua.

3. Biểu quyết thông qua một số chỉ tiêu Sản xuất kinh doanh và đầu tư chính năm 2021 theo Tờ trình số 02/TTr-CT ngày 22/3/2021

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: **52,797,370** cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: **52,619,738** cổ phần, chiếm tỉ lệ **99.7%** (Tỉ lệ qui định **51%**).
- Số phiếu không tán thành: **0** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.00%**.
- Số phiếu không có ý kiến: **14,365** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.03%**
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: **163,267** cổ phần, chiếm **0.31%**

Kết luận: Thông qua.

4. Biểu quyết thông qua toàn văn Điều lệ và các Quy chế theo Tờ trình số 03/TTr-CT ngày 22/3/2021, gồm:

- a) Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;
- b) Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;
- c) Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;
- d) Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: **52,797,370** cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: **52,619,738** cổ phần, chiếm tỉ lệ **99.7%** (Tỉ lệ qui định **51%**).
- Số phiếu không tán thành: **0** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.00%**.
- Số phiếu không có ý kiến: **14,365** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.03%**
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: **163,267** cổ phần, chiếm **0.31%**

Kết luận: Thông qua.

5. Biểu quyết về việc đăng ký niêm yết cổ phiếu DRI tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh(Hose) hoặc Sở giao dịch chứng khoán Hà nội (Hnx) theo tờ trình số 04/TTr-CT ngày 22/3/2021

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: **52,797,370** cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: **52,625,694** cổ phần, chiếm tỉ lệ **99.7%** (Tỉ lệ qui định **51%**).
- Số phiếu không tán thành: **0** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.00%**.
- Số phiếu không có ý kiến: **8,409** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.02%**
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: **163,267** cổ phần, chiếm **0.31%**

Kết luận: Thông qua.

6. Thống nhất việc ủy quyền cho HĐQT, BKS lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2021 theo Tờ trình số 05/TTr-CT ngày 22/03/2021

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: **52,797,370** cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: **52,624,032** cổ phần, chiếm tỉ lệ **99.7%** (Tỉ lệ qui định **51%**).
- Số phiếu không tán thành: **0** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.00%**.
- Số phiếu không có ý kiến: **10,071** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.02%**
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: **163,267** cổ phần, chiếm **0.31%**

Kết luận: Thông qua.

7. Thống nhất thù lao & chi phí hoạt động của HĐQT, Ban KS năm 2021 theo Tờ trình số 06/TTr-CT ngày 02/03/2020

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: **52,797,370** cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: **52,435,672** cổ phần, chiếm tỉ lệ **99.3%** (Tỉ lệ qui định **51%**).
- Số phiếu không tán thành: **0** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.00%**.
- Số phiếu không có ý kiến: **198,431** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.38%**
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: **163,267** cổ phần, chiếm **0.31%**

Kết luận: Thông qua.

8. Biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ năm 2020 theo tờ

0012
:ÔNG
Ở PH
JTUC
ẮK L
4 THU

trình số 07 /TTr-CT ngày 22/03/2021

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: **52,797,370** cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: **52,435,355** cổ phần, chiếm tỉ lệ **99.3%** (Tỉ lệ qui định **51%**).
- Số phiếu không tán thành: **0** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.00%**.
- Số phiếu không có ý kiến: **198,748** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.38%**
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: **163,267** cổ phần, chiếm **0.31%**

Kết luận: Thông qua.

9. Biểu quyết thông qua phương án thanh lý, tái canh vườn cao su kém hiệu quả tại Daklaoruco theo Tờ trình số 08/TTr-CT ngày 22/03/2021

Kết quả biểu quyết:

Tổng số phiếu tham dự đại hội: **52,797,370** cổ phần, trong đó:

- Số phiếu tán thành: **52,589,759** cổ phần, chiếm tỉ lệ **99.6%** (Tỉ lệ qui định **65%**).
- Số phiếu không tán thành: **0** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.00%**.
- Số phiếu không có ý kiến: **44,344** cổ phần, chiếm tỉ lệ **0.08%**
- Số phiếu không hợp lệ và không tham gia biểu quyết: **163,267** cổ phần, chiếm **0.31%**

Kết luận: Thông qua.

Biên bản kiểm phiếu biểu quyết cuộc họp ĐHĐCĐ năm 2021 được lập xong lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày và đã thông qua trước Đại hội
Đại hội nhất trí 100%, không có ý kiến khác.

Ban kiểm phiếu

Trần Văn Tĩnh
Đỗ Thị Linh
Trần Văn Tĩnh



CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



NGUYỄN VIỆT TƯỢNG

Số: 08./BC-HĐQT

Buôn Ma Thuột, ngày 15 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2020 VÀ
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

Kính thưa: - Đoàn Chủ tịch.
- Kính thưa quý vị cổ đông dự Đại hội.

Thực hiện Điều lệ Công ty, thay mặt HĐQT tôi báo cáo trước Đại hội về hoạt động của HĐQT năm 2020 và nhiệm vụ năm 2021 với các nội dung chủ yếu như sau:

1- Hoạt động của HĐQT năm 2020:

1.1 Cơ cấu, thành phần của HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk gồm 7 thành viên như sau:

TT	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	TV Không điều hành
2	Bùi Quang Ninh	Phó CT. HĐQT	TV Độc lập
3	Lê Thanh Cần	TV. HĐQT TGD DRI	TV Điều hành
4	Nguyễn Kim Hoa	TV. HĐQT	TV Độc lập
5	Nguyễn Thị Hải	TV. HĐQT Phó TGD DRI	TV Điều hành
6	Nguyễn Trần Giang	TV. HĐQT	TV Độc lập
7	Nguyễn Minh	TV. HĐQT	TV Độc lập

1.2 Hoạt động của HĐQT:

Năm 2020 dưới tác động của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 ngay từ thời điểm đầu năm đã ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng, các hoạt động kinh tế bị đình trệ, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, nguồn lao động bị hạn chế,... có thời điểm Công ty không bán được hàng. Vườn cây cao su của Công ty nằm tại nước bạn Lào, trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch covid-19 nước bạn tăng tỷ lệ nhập siêu nên việc duy trì chính sách tỷ giá thấp để hỗ trợ nhập khẩu đã làm tăng lỗ chênh lệch tỷ giá từ đó tác động tiêu cực đến chỉ tiêu lợi nhuận. Năm 2020

Công ty không hoàn thành chỉ tiêu sản lượng do thời gian nghỉ cao nhiều vì thiếu lao động (*NT2,4 phải dừng cao gần 1 tháng do chủ trương giãn cách xã hội tại tỉnh Salaval, mưa bão nhiều vào tháng 10 là tháng cho sản lượng cao*), vườn kinh doanh 9,10 đang ở bản cao thấp nên sản lượng không cao,.. Sản lượng Chuối quả thu hoạch năm 2020 giảm, chỉ đạt 71,2 %/KH do bệnh đốm lá-sigatoka, thời gian sinh trưởng của chuối kéo dài nên khoảng 30% sản lượng bị kéo qua quý 1/2021. Chuối quả thu hoạch phải chuyển sang tiêu thụ trong nước, giảm sản lượng xuất khẩu, vì các nước hạn chế nhập do dịch covid-19 ...

Bên cạnh những điểm tốt, những khó khăn chung của nền kinh tế nói chung DRI vẫn có những điểm sáng, đạt được những mặt tích cực: Chỉ tiêu lợi nhuận đạt 99,2%KH trong bối cảnh sản lượng chỉ đạt 95% KH, doanh thu đạt 84,13% KH. Tình hình tài chính liên tục được cải thiện qua các năm với số nợ giảm dần từ đó giảm dần tỷ trọng chi phí lãi vay trong cơ cấu giá thành sản phẩm. Tỷ lệ xuất khẩu mủ cao su đạt 62,88% vượt mức HĐQT giao. Năm 2020 DRI tiếp tục được vinh danh là 1 trong 50 Doanh nghiệp xuất khẩu cao su hàng đầu Việt Nam (xếp thứ hạng 34/50), được Hiệp hội cao su Việt Nam công bố căn cứ theo nguồn số liệu của Tổng cục Hải quan.

Trong bối cảnh khó khăn chung, Hội đồng quản trị đã sâu sát trong chỉ đạo, đặc biệt quản lý tốt giá thành sản phẩm, từ đầu năm đã chỉ đạo cắt giảm chi phí một cách hợp lý; đồng thời chỉ đạo tăng cường xuất khẩu mủ cao su khi thời điểm giá tốt; kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ của mình theo Điều lệ công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.

Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, đi cơ sở nắm tình hình và phát huy tốt vai trò của mình, đóng góp những ý kiến thiết thực, sáng tạo để chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời và hạn chế những rủi ro, thiệt hại cho Công ty. Trong điều kiện dịch Covid-19 Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc thường xuyên nắm tình hình và chỉ đạo trực tuyến sang Daklaoruco để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh.

Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT trực tiếp chỉ đạo và giám sát Ban điều hành thông qua nghị quyết, Điều lệ và thực trạng tình hình SXKD của Công ty. Đối với những vấn đề quan trọng HĐQT luôn trao đổi trước với Ban điều hành trước khi ra quyết định nhằm tạo sự đồng thuận cao đối với các chủ trương chính sách khi thực hiện.

Trong năm 2020, ngoài việc chuẩn bị và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 phiên họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản 01 lần để thống nhất nhiều chủ trương, giải pháp nhằm định hướng và chỉ đạo Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức triển khai các chủ trương lớn như: Thống nhất công thức bán hàng cho năm 2020, tăng quy mô tại Công ty TNHH Nông nghiệp CNC-DRI thêm 66,61 ha để trồng chuối và sầu riêng xen trong cao su năm 2020; tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Nông nghiệp CNC-DRI thêm 6 tỷ đồng; Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu phát triển bền vững theo kế hoạch mà HĐQT đã ban hành; chủ

trương thay đổi chu kỳ kinh doanh của Daklaoruco cho phù hợp với thời gian thuê đất 50 năm, đưa ra lộ trình thanh lý phù hợp, tránh bị sụt giảm, sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đột ngột...

Tại các buổi họp, HĐQT đều đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của kỳ trước, những khó khăn cần tháo gỡ, những kết quả đạt được. Đánh giá, giám sát hoạt động của Ban điều hành theo từng quý, trên cơ sở báo cáo kiểm tra của Ban Kiểm soát, HĐQT đã kịp thời chỉ đạo Ban điều hành khắc phục các tồn tại, thiếu sót. Các quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm đều có ý nghĩa định hướng cho hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc ngắn, trung và dài hạn.

Ngoài ra để đảm bảo tính linh hoạt trong điều hành, HĐQT chủ động giao cho Chủ tịch HĐQT và TGD một số quyền thuộc thẩm quyền của HĐQT để điều hành sản xuất kinh doanh và báo cáo HĐQT tại phiên họp gần nhất;

1.3. Kết quả giám sát hoạt động của Ban điều hành:

Mặc dù Ban Điều hành công ty với tinh thần nỗ lực cao đã tuân thủ tốt các quy định của pháp luật, thực hiện tốt các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, thường xuyên theo dõi sát tình hình và có những biện pháp tháo gỡ khó khăn kịp thời. Tuy nhiên, với những khó khăn như đã trình bày ở trên, nên không hoàn thành các chỉ tiêu chính mà ĐHĐCĐ giao, cụ thể như sau:

- Chỉ đạo khai thác sản lượng cao su được 15.206 tấn/16.000 tấn đạt 95,04% so với kế hoạch đề ra. Thu hoạch được 218,57 tấn điều tươi/213 tấn KH đạt 102,62% KH, thu hoạch được 3.268 tấn chuối/4.590 tấn đạt 71,2% kế hoạch.

- Tổng doanh thu được 441,4 tỷ đồng/524,65 tỷ đồng đạt 84,13 % KH.

- Lợi nhuận trước thuế: 33,993 tỷ đồng/34,266 tỷ đạt 99,2%KH;

- Tỷ lệ xuất khẩu đạt 62,88%/60% so với tổng lượng hàng tiêu thụ đạt 104,8 % KH;

- Thu nhập cho người lao động được đảm bảo; xây dựng và đào tạo được đội ngũ lãnh đạo, lao động có trình độ phù hợp, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý người Lào trên lĩnh vực tài chính, kỹ thuật, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước Lào và Nhà nước Việt Nam theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy; quan tâm và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng. Duy trì mối quan hệ tốt đẹp với chính quyền nước sở tại, trên cơ sở đó nước bạn cũng quan tâm hỗ trợ cho dự án của Công ty.

- Công ty đang triển khai xây dựng công ty theo hướng Phát triển bền vững chuẩn bị cho mục tiêu phấn đấu đạt được chứng nhận Quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế từ năm 2022. Tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên một số hạng mục chưa thực hiện được theo kế hoạch do lệnh cách ly của Chính phủ 2 nước Việt Nam và Lào.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Ban điều hành vẫn còn những thiếu sót, đó là công tác chỉ đạo để kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý tại Lào còn thiếu tính bền vững, cán bộ quản lý chủ yếu là người Việt, biến động nhiều; việc chỉ đạo tổ chức sản xuất chưa thật tốt, chất lượng tay nghề trung bình của công nhân khai thác mỏ còn cao,...từ đó ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng vườn cây

1.4. Thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát:

Từ năm 2020, Việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS thực hiện theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, theo đó:

- Tổng quỹ thù lao theo kế hoạch : 482,3 triệu đồng;
- Thực tế chi trả : 482,3 triệu đồng;
- %TH/KH : 100%

Nguồn quỹ thù lao trên chỉ chi trả cho Thành viên HĐQT không điều hành và Ban kiểm soát. Thành viên HĐQT kiêm TGD, phó TGD không nhận thù lao, nhận lương trong tổng quỹ lương của người quản lý chuyên trách theo Thông tư 28/2016 của BLĐTBXH

2 - Phương hướng nhiệm vụ năm 2021:

2.1 Nhận định tình hình năm 2021:

Năm 2021 được dự báo là năm khởi đầu của phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19, với mức tăng trưởng kinh tế thế giới khoảng 4% vào năm 2021 theo công bố của Tổ chức Ngân hàng thế giới(WB) khi các quốc gia triển khai tiêm đại trà vắc-xin ngừa Covid-19 và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả. Tuy nhiên mức tăng trưởng trên cũng bị tác động tiêu cực trong bối cảnh diễn biến phức tạp của chủng virus mới với tốc độ lây lan nhanh hơn và sự không đáp ứng đủ nhu cầu vacxin.

Việt Nam với mức tăng trưởng GDP năm 2020 ước tính là 2,91% đã trở thành quốc gia hiếm hoi trong ASEAN đạt mức tăng trưởng dương và thuộc nhóm các nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới. Với nền tảng phục hồi vững chắc và cách phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả, triển vọng tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2021 được nhiều tổ chức quốc tế dự báo ở mức khá cao từ 6-7% GDP.

Bên cạnh đó năm 2021 các Hiệp định thương mại tự do như EVFTA, UKVFTA và RCEP bắt đầu có hiệu lực cùng với sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu, sẽ có tác động tích cực giúp tăng cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam trong đó có mặt hàng cao su.

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk bên cạnh những khó khăn như vườn cây cao su nằm trên nước bạn Lào cách trở về địa lý, phong tục tập quán, phát sinh nhiều chi phí như chi phí vận chuyển, chi phí hải quan, chính sách tỷ giá tại nước bạn,... nhưng lại có những lợi thế vườn cây trẻ, năng suất cao, đang nỗ lực thay đổi theo hướng phát triển bền vững, hướng tới tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, thị phần của Công ty hơn 60% là xuất khẩu sang các nước EU, Mỹ, Ấn Độ, Hàn Quốc, Trung Quốc,...với sự phục hồi kinh tế của các nước nói trên, kỳ vọng năm 2021 DRI sẽ gặp nhiều thuận lợi trong sản xuất kinh doanh, hoàn thành các chỉ tiêu mà ĐHCĐ giao.

2.2 Định hướng một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch SXKD 2021.

Với nhận định năm 2021 có những điểm sáng như trên, HĐQT đề xuất một số định hướng chính như sau:

- (1) Tổ chức khai thác 16.500 tấn cao su và 209 tấn điều tươi, 4.800 tấn chuối;
- (2) Doanh thu 586,875 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế: 52,753 tỷ đồng; Tỷ lệ xuất khẩu mủ cao su từ mức 65%/tổng lượng hàng bán;
- (3) Cổ tức: 5% vốn điều lệ;
- (4) Tiếp tục lộ trình xây dựng Công ty theo hướng PTBV.
- (5) Tiếp tục chỉ đạo việc thâm canh chăm sóc vườn sầu riêng trồng năm 2018 tại Công ty NNCNC DRI.
- (6) Tiếp tục làm thủ tục để chuyển sàn giao dịch chứng khoán cho mã DRI trên sàn HOSE hoặc HNX tùy thuộc vào tình hình.

- Quyết định những vấn đề lớn thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của Điều lệ, giám sát, nắm bắt và giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc và những kiến nghị của Ban điều hành;

- Đảm bảo hoạt động thường xuyên của HĐQT, cụ thể hóa những định hướng bằng những chỉ tiêu và giải pháp cụ thể để Ban điều hành căn cứ triển khai thực hiện. Trong đó chú trọng các giải pháp về kỹ thuật, tài chính, tuân thủ pháp luật.

- Thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Rà soát, ban hành lại các quy chế, quy định cho phù hợp với việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT trình ra tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần này.

2.3 Giải pháp:

- Quan tâm và hỗ trợ kịp thời Ban điều hành trong chỉ đạo sản xuất, HĐQT thống nhất cơ chế giao quyền cho Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc tùy theo phạm vi ủy quyền mà quyết định kịp thời trong bán hàng và chỉ đạo sản xuất sau đó báo cáo HĐQT thông qua, từ đó giúp cho việc điều hành thông suốt của Ban TGD DRI, Daklaoruco. Chỉ đạo công tác đánh giá thực trạng sản xuất kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu vẫn còn chịu tác động của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp covid-19 để có những quyết sách phù hợp, xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật, cải tiến quy trình sản xuất kinh doanh, nhằm tiết giảm chi phí sản xuất; thay đổi cơ cấu sản phẩm mủ, tiếp tục tăng tỷ lệ mủ CV60 trong cơ cấu sản phẩm mủ cao su; đẩy mạnh xuất khẩu... để tăng lợi nhuận ở mức tốt nhất có thể.

- Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, đào tạo và bố trí cán bộ hợp lý nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý tại các công ty con, nhất là Daklaoruco, có trình độ, năng lực, nhiệt huyết, tổ chức tốt công tác sản xuất kinh doanh, hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ giao;

- Làm tốt khâu đánh giá cán bộ; có chính sách lương, thưởng và phúc lợi thỏa đáng để cán bộ công nhân viên và người lao động gắn bó lâu dài với Công ty;

- HĐQT sâu sát tình hình sản xuất kinh doanh; quản lý tốt giá thành sản phẩm; chỉ đạo định hướng để Ban điều hành hoạt động linh hoạt, hiệu quả.

- Từ lợi nhuận thu được hàng năm công ty có kế hoạch giảm dần tỷ lệ nợ ngắn hạn, góp phần giảm chi phí tài chính trong giá thành;

- Triển khai kế hoạch về lộ trình thanh lý vườn cao su phù hợp với quyết định thuê đất 50 năm tại Daklaoruco, đảm bảo tính ổn định, bền vững.

- Chú trọng đến chất lượng sản phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quy định, có tính ổn định cao; tăng cường khâu quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tiếp tục gia tăng tỷ lệ xuất khẩu;

- Xây dựng kế hoạch cụ thể và chỉ đạo triển khai xây dựng công ty theo hướng phát triển bền vững, trong năm 2021 phải hoàn thành chứng nhận ISO về môi trường; sửa đổi các quy trình sản xuất để từng bước đảm bảo các tiêu chí, hướng tới việc cấp chứng nhận FSC cho vườn cao su tại Daklaoruco.

- Tập trung thâm canh vườn chuối – sầu riêng và cây ăn quả khác trồng xen trên vườn cao su thuê lại của Dakruco theo hướng phù hợp với khả năng quản lý của Công ty.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động năm 2020 và nhiệm vụ chủ yếu năm 2021 của HĐQT, đề nghị Đại hội thảo luận, đóng góp ý kiến để HĐQT Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ do Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 giao.

Xin chân thành cảm ơn!

chau

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Nguyễn Viết Tượng



BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021

(tại ĐHĐCĐ thường niên DRI ngày 15/04/2021)

Kính thưa Đoàn chủ tịch;

Kính thưa toàn thể Cổ đông;

Thay mặt cho Ban điều hành công ty, Tổng giám đốc xin gửi đến toàn thể quý cổ đông Báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020 với những kết quả đạt được như sau:

PHẦN A: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

I. TÌNH HÌNH CHUNG:

Công ty DRI hiện đang quản lý 2 công ty con:

- Hoạt động chính của công ty DRI là quản lý Công ty TNHH cao su Đắk Lắk tại Lào (Daklaoruco) với vốn điều lệ 25.000.000 USD, tỷ lệ sở hữu 100%. Daklaoruco hiện có 9.325,73 ha cây trồng các loại. Trong đó diện tích cao su là 8.810,5 ha với 8.431,4 ha đã đưa vào khai thác; diện tích điều là 497,58 ha và 17,65 ha cây bạch đàn.
- Đầu tư dự án Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI tại Xã Cưkô, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk; với vốn điều lệ 26.000.000.000 VNĐ, tỷ lệ sở hữu 80,77%. Tổng diện tích canh tác là: 142,17 ha; cây trồng chính của công ty là chuối và sầu riêng.

Năm 2020 Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT gặp không ít khó khăn, diễn biến thời tiết không thuận lợi, tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp đã có nhiều tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Công ty đầu tư chính tại công ty con Daklaoruco, cách trở về địa lý, ngôn ngữ, hệ thống pháp luật, việc thu hút lao động tại chỗ đặc biệt là khối gián tiếp còn hạn chế, khó khăn trong việc tuyển dụng lao động gián tiếp là người Việt Nam sang Lào làm việc, lệnh phong tỏa biên giới hai nước Việt – Lào đã làm ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo của Ban điều hành công ty. Trước những khó khăn đó, HĐQT đã luôn đồng hành cùng Ban điều hành công ty chỉ đạo sát sao thực hiện nhiệm vụ SXKD bằng các hình thức trao đổi hợp trực tuyến với công ty con, nỗ lực quản trị tốt chi phí để tiết giảm giá thành sản xuất, đảm bảo hiệu quả SXKD ở mức tốt nhất và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

1. Công tác nhân sự, tiền lương và chế độ chính sách:

Công ty đã tổ chức bộ máy nhân sự tinh gọn, bố trí lao động có trình độ phù hợp với vị trí công việc, đảm bảo trong kế hoạch định biên nhân sự. Tuy nhiên trong năm 2020 số lượng lao động gián tiếp người Việt Nam nghỉ việc về nước lớn, chủ yếu là cán bộ kỹ thuật, việc tuyển dụng và thay thế không đáp ứng kịp thời do dịch bệnh Covid-19 đã làm ảnh hưởng đến công tác quản lý và chỉ đạo sản xuất của công ty (tổng số lao động gián tiếp thôi việc trong năm là 31 người). Lực lượng lao động trực tiếp cũng có nhiều biến động, đặc biệt là giai đoạn đầu vụ, tuy nhiên khi bước vào mùa vụ chính, lao động cũng đã từng bước ổn định.

Đến thời điểm cuối năm 2020, tổng số CBCNV toàn công ty có 2.294 lao động. Thu nhập bình quân của lao động gián tiếp là 16,65 triệu đồng/người/tháng, lao động trực tiếp là 5,42 triệu đồng/người/tháng. Đảm bảo tiền lương trên mức tối thiểu theo quy định và phù hợp với công sức của người lao động.

Thực hiện chi trả lương đúng thời hạn, thưởng nhân dịp lễ tết của Việt Nam và nước Lào; bố trí điều kiện ăn ở cho người lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định; chú trọng đào tạo, nâng cao chất lượng tay nghề người lao động, năm 2020 đào tạo tổng số 3.381 lao động gián tiếp và trực tiếp; tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm; tổ chức các đợt tham quan du lịch; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, BHXH, ốm đau, thai sản, mua Bảo hiểm con người cho người lao động....nhằm động viên khuyến khích người lao động làm việc và gắn bó lâu dài với công ty.

2. Công tác chỉ đạo sản xuất:

- Công tác khai thác mủ cao su: Ngay từ đầu năm công ty đã chỉ đạo các đơn vị tổ chức sắp xếp, bố trí cán bộ và công nhân các đội sản xuất phù hợp với từng loại hình vườn cây, đảm bảo quản lý tốt vườn cây.

Thực hiện tốt công tác tổ chức quản lý kỹ thuật trên vườn cây; quy hoạch mặt cạo theo chế độ cạo ngay từ đầu vụ; tổ chức gắn máng chắn mưa, chuyển miệng cạo kịp thời; quản lý, tận thu tốt sản lượng mủ trước mùa vườn cây rụng lá; vào đầu vụ cạo chỉ đạo các đơn vị tập trung thiết kế miệng cạo, trang bị đầy đủ vật tư khai thác. Tuy nhiên, do lệnh cách ly phòng dịch Covid-19 nên tỷ lệ vắng cạo tăng 1,9%, tỷ lệ trồng vườn tăng 2,3%, tỷ lệ choàng giảm 6,9% so với cùng kỳ năm 2019 cũng đã làm ảnh hưởng đến sản lượng mủ khai thác.

Trong quá trình sản xuất, công ty đã chỉ đạo các Nông trường thực hiện nhiều giải pháp kỹ thuật để tận thu hết sản lượng, kết hợp với tăng cường công tác tuần tra, bảo vệ mủ.

Trong năm Hội đồng quản trị đã có định hướng chỉ đạo Công ty DRI phối hợp với Viện nghiên cứu cao su có giải pháp để tăng năng suất vườn cây và Công ty đã tiến hành mở cạo úp đối với 1.917,92 ha cao su KD9 và KD10. Qua theo dõi sản lượng cạo úp tại Nông trường 1 sản lượng tăng 27,35% so với năm 2019.

Kết quả thực hiện kế hoạch sản lượng mủ cao su năm 2020 là **15.206/16.000** tấn mủ quy khô, đạt **95,04%** kế hoạch năm. Năng suất vườn cây bình quân 1,80 tấn/ha. Năng suất lao động bình quân 23,95 kg/mủ/người/ngày.

Bảng Tổng hợp thực hiện sản lượng mủ năm 2019 và 2020

ĐVT: Tấn

Stt	Đơn vị	Năm 2019			Năm 2020			Tăng/ giảm khối lượng (+/-)	% Tăng giảm (+/-)
		KH năm	Thực hiện	TH/KH (%)	KH năm	Thực hiện	TH/KH (%)		
1	Nông trường 1	5.350	3.933	73,5	4.900	5.009	102.2	+1.076	+27,35
2	Nông trường 2	4.325	3.805	87,98	3.700	3.206	86,66	-599	-15,73
3	Nông trường 3	5.225	4.829	92,4	4.400	4.410	100.2	-419	-8,68
4	Nông trường 4	3.100	2.836	91,5	3.000	2.581	86,04	-255	-8,98
*	Tổng cộng	15.403	15.403	85,6	16.000	15.206	95,04	-197	-1,28

Nguyên nhân của việc không hoàn thành kế hoạch sản lượng mủ cao su là do ảnh hưởng vào đầu vụ khai thác giá sản tăng cao công nhân khai thác nghỉ cạo để thu hoạch sản đã làm ảnh hưởng đến công tác huy động nhân công khai thác mủ, tháng 1/2020 chỉ thực hiện được 3% kế hoạch sản lượng; Ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên Nông trường 2 và 4 thuộc tỉnh Salavan phải nghỉ cạo tháng 4/2020, các Nông trường còn lại gặp rất nhiều khó khăn trong công tác huy động nhân công khai thác do giãn cách xã hội, hầu hết công nhân ở xa vùng dự án đều không được rời địa phương để tiếp tục lao động; điều kiện thời tiết không thuận lợi, có tới 14 ngày mưa bão không cạo được đã làm ảnh hưởng đến công tác khai thác.

- Công tác chế biến: Thực hiện chế biến được 15.031,55 tấn mủ cao su các loại, tỷ lệ rút cấp 0,98%, giảm 0,87% so với cùng kỳ năm 2019 (1,85%).

- Công tác chăm sóc vườn cây được thực hiện đúng quy trình, công ty tiết giảm một số hạng mục phun thuốc cỏ hàng theo chương trình phát triển bền vững, chất lượng được đảm bảo vườn cây sinh trưởng phát triển tốt, thông thoáng.

- Vườn điều thu hoạch được 218,57 tấn/213 tấn, đạt 102,62% kế hoạch năm, tăng 23,07 tấn so với năm 2019. Năng suất điều bình quân toàn Công ty năm 2020 đạt 0,44 tấn/ha. Công tác chăm sóc vườn điều được chú trọng, chất lượng vườn cây sinh trưởng phát triển tốt.

3. Công tác kinh doanh xuất nhập khẩu:

- **Cao su:** Năm 2020, công ty đã xuất bán 14.273,05 tấn mủ cao su các loại cho khách hàng, đạt 89,07% kế hoạch năm 2020 do HĐQT công ty giao. Với tổng doanh thu 18.864.699,1 USD; đơn giá xuất bán bình quân 1321,7 USD/ tấn. Giảm 18,33% về lượng, nhưng chỉ giảm 18,08% về doanh thu do giá bình quân tăng nhẹ 0,3% so với năm 2019. Trong đó:

+ Xuất khẩu 8.974,84 tấn cao su các loại, trị giá 12.808.734,74 USD, giá bình quân xuất khẩu 1.427,18 USD/tấn.

+ Xuất bán nội địa 5.298,21 tấn cao su các loại, trị giá 6.055.964,35USD, đơn giá bình quân 1.143,02 USD/tấn.

Tỷ lệ XK chiếm 62,88% tổng lượng xuất bán, tăng 4,29% so với thực hiện năm 2019 (năm 2019, tỷ lệ XK chiếm 60,29%) và đạt 104,8% kế hoạch về chỉ tiêu tỷ lệ XK năm 2020 (kế hoạch năm 2020: tỷ lệ XK 60%).

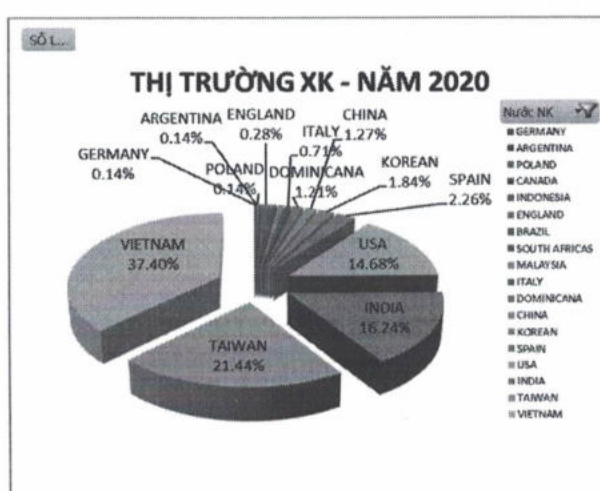
Tổng lượng hàng xuất bán năm 2020 thể hiện qua bảng sau:

Loại hàng	Năm 2020					Năm 2019					So sánh với thực hiện năm 2019 (+/- %)		
	SỐ LƯỢNG (tấn)	Tỷ lệ (%)	ĐƠN GIÁ (usd/ tấn)			DOANH THU thực hiện (USD)	SỐ LƯỢNG (tấn)	Tỷ lệ (%)	Đơn giá Thực hiện (USD/tấn)	DOANH THU thực hiện (USD)			
			Thực hiện	Theo qui định	Chênh lệch						Số lượng	Đơn giá	Doanh thu
CV60	1,090.32	7.6%	1,595.56	1,488.38	107.18	1,739,673.60	1,252.28	7.2%	1,422.41	1,781,252.12	-12.93%	12.17%	-2.33%
CV50	80.64	0.6%	1,483.75	1,307.27	176.48	119,649.60	40.32	0.2%	1,470.00	59,270.40	100.00%	0.94%	101.87%
SVR3L	8,791.69	61.6%	1,368.54	1,291.50	77.04	12,031,776.35	11,705.68	67.0%	1,328.63	15,552,548.05	-24.89%	3.00%	-22.64%
SVR10	3,160.40	22.1%	1,188.41	1,115.59	72.82	3,755,843.14	3,296.27	18.9%	1,286.54	4,240,795.77	-4.12%	-7.63%	-11.44%
Ngoại lệ	383.01	2.7%	799.65	799.65	-	306,274.00	549.94	3.1%	1,102.28	606,183.70	-30.35%	-27.46%	-49.48%
SVR5	714.07	5.0%	1,204.20	1,204.20	-	859,885.40	555.80	3.2%	1,258.99	699,742.50	28.48%	-4.35%	22.89%
SVR20	52.92	0.4%	975.00	975.00	-	51,597.00	75.60	0.4%	1,170.00	88,452.00	-30.00%	-16.67%	-41.67%
Tổng	14,273.05	100%	1,321.70	1248.94	72.76	18,864,699.09	17,475.88	100.00%	1,317.72	23,028,244.54	-18.33%	0.30%	-18.08%

* Năm 2020: mặc dù số lượng hàng bán ra thấp hơn so với năm 2019 (giảm 18,33%), công tác xuất nhập khẩu gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng nghiêm trọng của Đại dịch Covid -19; Cửa khẩu Biên giới Việt - Lào thực hiện lệnh cách ly 14 ngày ảnh hưởng đến công tác vận chuyển hàng hóa, thiếu xe, thiếu tài xế...; đến cuối năm thì tình trạng thiếu container, thiếu tàu vận chuyển đường biển nghiêm trọng dẫn đến không lấy được Booking...Tuy nhiên, vượt qua hết những khó khăn lớn nêu trên, trên tinh thần chủ động ứng phó, chủ động phương án tháo gỡ với các tình huống xấu xảy ra... DRI đã hoàn thành tốt công tác KD – XNK năm 2020 do HĐQT Công ty giao.

- Sản phẩm mủ cao su của công ty đã được trải rộng trên rất nhiều thị trường, kể cả những thị trường khó tính như: Mỹ, Ý, Tây Ban Nha, Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan...Trong đó, 04 thị trường xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn nhất là Đài Loan (21,44%), Ấn Độ (16,24%), Mỹ (14,68%) và các nước Châu Âu (3,53%). Thị trường Châu Á gồm Đài Loan, Ấn độ tăng trưởng mạnh hơn năm 2019 trong khi thị trường Mỹ và EU giảm nhẹ do sự tác động của Covid -19 tới 2 thị trường này ảnh hưởng mạnh mẽ hơn so với các nước Châu Á. Dưới đây là tỷ lệ các thị trường mà công ty đã xuất bán trong năm 2020:

Nước NK	SỐ LƯỢNG	Tỷ lệ
GERMANY	20.16	0.14%
ARGENTINA	20.16	0.14%
POLAND	20.16	0.14%
CANADA	40.32	0.28%
INDONESIA	40.32	0.28%
ENGLAND	40.32	0.28%
BRAZIL	60.48	0.42%
SOUTH AFRICAS	80.64	0.56%
MALAYSIA	99.60	0.70%
ITALY	100.80	0.71%
DOMINICANA	172.80	1.21%
CHINA	180.96	1.27%
KOREAN	262.08	1.84%
SPAIN	322.56	2.26%
USA	2094.72	14.68%
INDIA	2318.40	16.24%
TAIWAN	3060.36	21.44%
VIETNAM	5338.21	37.40%
Grand Total	14273.05	100%



Năm 2020, công tác xuất khẩu mủ cao su của DRI đã được Bộ công thương, Hải quan tỉnh Đắk Lắk, Hiệp hội cao su Việt Nam ghi nhận và đánh giá là 01 trong 22 “Doanh

nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2019” và được xếp thứ 34/50 doanh nghiệp xuất khẩu cao su thiên nhiên dẫn đầu năm 2020 theo kim ngạch.

- **Điều:** Doanh thu bán điều được 193.776 USD, giá bán bình quân 886,56 USD/tấn, đạt 76% kế hoạch doanh thu năm 2020 là 255.600 USD. Doanh thu không đạt kế hoạch nguyên nhân là do giá bán điều năm 2020 giảm mạnh, giảm 255 USD/tấn so với năm 2019.

4. Công tác đầu tư dự án Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI:

- Năm 2020 Công ty đã triển khai trồng mới 66,64 ha cây trồng các loại trên diện tích đất cao su thuê trồng xen. Tổng diện tích canh tác hiện tại của dự án là: 142,17 ha; cây trồng chính của công ty là chuối và sầu riêng trồng xen cao su. Toàn bộ vườn cây trồng mới đến thời điểm hiện tại sinh trưởng và phát triển tốt, vườn chuối đã trở buồng trên 50% số cây.

- Sản lượng chuối thu hoạch được năm 2020 là 3.268 tấn, đạt 71,2% kế hoạch năm (*kế hoạch thu hoạch 2 vụ nhưng thực hiện vụ 2 mới thu hoạch chỉ 60,82%*), việc thực hiện năng suất vườn cây dự kiến đạt ở mức thấp sau khi thu hoạch hết từng vụ. Cụ thể:

+ Vụ 1 thu hoạch được 1.847,28 tấn đạt 75,79% kế hoạch sản lượng vụ 1. Năng suất bình quân của vụ 1 đạt 35,28 tấn/ha; trọng lượng buồng trung bình đạt 22,58 kg/buồng.

+ Vụ 2 đến hết tháng 12/2020 mới thu hoạch được 1.420,9 tấn, trọng lượng buồng trung bình đạt 17,66 kg/buồng.

** Một số nguyên nhân dẫn đến năng suất sản lượng chưa cao:*

+ Do thời tiết tại khu vực dự án gió nhiều, nhiệt độ trung bình thấp nên thời gian sinh trưởng của chuối bị kéo dài đã làm giãn thời gian thu hoạch chuối so với kế hoạch đề ra. Vụ 2 mới chỉ thu hoạch được 60,82% khối lượng.

+ Do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết mưa bão cuối tháng 10/2020 làm chuối bị đổ ngã, thời tiết mưa nhiều liên tục cũng làm xuất hiện nấm trên vỏ chuối làm mất thẩm mỹ trái chuối khi thu hoạch làm giảm khối lượng chuối xuất khẩu.

+ Do vườn cây trong thời gian cuối mùa mưa năm 2019 bị nhiễm bệnh sigatoka, mặc dù được phun phòng và trị nhưng lá cây đã bị nhiễm bệnh ảnh hưởng đến khả năng quang hợp và giảm năng suất vườn cây thu hoạch đầu năm 2020.

- Tổng khối lượng hàng xuất bán năm 2020 là: 3.293 tấn chuối tươi, với tổng doanh thu là 18,72 tỷ đồng.

- Giá bán bình quân năm 2020: 5.684 đồng/kg đạt 88,19% kế hoạch đề ra, giá bán bình quân giảm 761 đồng/kg tương đương giảm 11,81% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế đạt 890,045 triệu đồng, chỉ đạt 28,08% kế hoạch (3.170 triệu đồng) nguyên nhân chính là do không đạt kế hoạch sản lượng và giá bán năm 2020 cũng không đạt kế hoạch.

5. Công tác ISO, Phát triển bền vững, phòng chống dịch bệnh Covid-19:

- Công tác ISO: Công ty thường xuyên thực hiện việc đánh giá nội bộ đối với Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, Hệ thống quản lý phòng thí nghiệm ISO/IEC

17025:2017. Công ty đang triển khai thực hiện các hồ sơ pháp lý môi trường theo tiêu chuẩn Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015.

- Công tác Phát triển bền vững: Các mục tiêu kế hoạch theo chương trình phát triển bền vững của HĐQT ban hành đã được triển khai thực hiện. Tuy nhiên, tiến độ thực hiện các mục tiêu này còn chậm so với kế hoạch đề ra, nguyên nhân là do gián đoạn bởi dịch bệnh covid-19.

- Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19: Tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp khó lường; trong năm, Công ty đã chỉ đạo toàn thể cán bộ, công nhân viên và người lao động chấp hành nghiêm các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng chính phủ, của Tỉnh ủy, của cơ quan nước sở tại về việc tập trung thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19, trong đó yêu cầu tất cả cán bộ, công nhân viên công ty và khách đến quan hệ công tác với công ty đều phải đeo khẩu trang, sát khuẩn tay và đo thân nhiệt ngay trước cổng bảo vệ công ty.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SXKD NĂM 2020:

Năm 2020, đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng khắp toàn cầu đã ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế thế giới, và có những tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành cao su nói chung và công ty nói riêng, tác động trực tiếp đến tình hình tiêu thụ và giá bán mủ cao su. Cộng với các khó khăn như lao động nghỉ việc nhiều, diễn biến thời tiết không thuận lợi đã ảnh hưởng đến tình hình SXKD của công ty nên công ty đã không hoàn thành các chỉ tiêu SXKD, kết quả đạt được như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	So với KH 2020 (%)	So với TH 2019 (%)
1	Sản lượng						
1.1	Cao su	Tấn	15.403	16.000	15.206	95,04	98,72
1.2	Điều	Tấn	195,5	213	218,57	102.62	111,8
1.3	Chuối	Tấn	2.252,57	4.590	3.268	71,2	145,08
2	Doanh thu	Tỷ đồng	539,263	524,650	441,4	84,13	81,85
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	55,006	34,266	33,993	99,2	61,8
4	Tỷ lệ xuất khẩu	%	60,29%	60%	62,88%	104,8	104,3
5	Giá vốn cao su	Triệu đồng/tấn	27,936	28,65	28,25	98,58	101,12
6	Giá vốn chuối	Triệu đồng/tấn	6,053	5,635	5,372	95,33	88,75
7	Cổ tức (dự kiến)	%	4%	3%	2,7%	90	67,5
8	Thu nhập						
8.1	Lương BQ gián tiếp	Triệu đồng/người/tháng	14,68	15,25	16,65	109,18	113,42
8.2	Lương BQ trực tiếp		5,38	5,7	5,42	95,09	100,74

- Năm 2020, các chỉ tiêu chính đều đạt thấp hơn kế hoạch là do thời tiết không thuận lợi, sản lượng khai thác không đạt kế hoạch, lượng hàng bán ra chỉ đạt 89,07% kế hoạch.

- Trong tình hình giá bán mủ cao su ở mức thấp, công ty đã chỉ đạo tiết giảm chi phí, nâng cao năng suất lao động, thực hiện tốt các giải pháp quản lý giá thành sản phẩm, kiểm soát các chi phí trong sản xuất để giảm giá thành. Mặc dù sản lượng khai thác cao su không đạt (giảm 4,96%) nhưng Công ty cũng đã cố gắng tiết kiệm chi phí để giảm giá vốn hàng bán (giá vốn cao su giảm 1,42%).

- Doanh thu bán hàng không đạt (giảm 15,87%) nhưng lợi nhuận sau thuế Công ty đạt 99,2%. Đây là nỗ lực phấn đấu của toàn Công ty trong thời điểm khó khăn chung.

- Lãi cơ bản trên cổ phiếu vẫn đạt 329 đồng/cổ phiếu. Tuy nhiên, sau khi trích lập các quỹ và để đảm bảo an toàn tài chính, Công ty dự kiến chi cổ tức ở mức 2,7%.

PHẦN B: PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2021

I. Một số chỉ tiêu chính:

- Nhiệm vụ của Ban điều hành DRI là phấn đấu nỗ lực để chỉ đạo Daklaoruco thực hiện tốt các chỉ tiêu sản lượng, giá thành, giá bán, tỷ lệ xuất khẩu mủ cao su để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021; chỉ đạo Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI sản xuất kinh doanh sản phẩm chuối và đầu tư chăm sóc vườn sầu riêng có hiệu quả; triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT; phối hợp với Daklaoruco thực hiện kế hoạch Phát triển bền vững.

- Phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 như sau:

*** Cao su:**

- + Khai thác: 16.500 tấn mủ quy khô; năng suất bình quân đạt 1,91 tấn/ha;
- + Sản lượng tiêu thụ dự kiến 17.000 tấn;
- + Giá bán bình quân 32,7 triệu đồng/tấn (1.413 USD/tấn);
- + Giá vốn hàng bán 29,275 triệu đồng/tấn (1.265 USD/tấn);
- + Tỷ lệ xuất khẩu: 65% trên tổng lượng hàng xuất bán;

*** Điều:**

- + Sản lượng 209 tấn quả tươi;
- + Giá bán bình quân 25,00 triệu đồng/tấn (1.080 USD/tấn);
- + Giá vốn hàng bán 24,945 triệu đồng/tấn (1.078 USD/Tấn);

*** Chuối:**

- + Sản lượng 4.800 tấn sản phẩm chuối;
- + Giá bán bình quân 5,207 triệu đồng/tấn;
- + Giá vốn hàng bán 4,854 triệu đồng/tấn;

*** Dự kiến sơ bộ kết quả kinh doanh năm 2021:**

- + Tổng doanh thu là 586.875 triệu đồng;
- + Tổng chi phí 526.250 triệu đồng;
- + Lợi nhuận hợp nhất trước thuế: 60.624 triệu đồng;

Buôn Ma Thuột, ngày 15 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả giám sát hoạt động công ty năm 2020 (Trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021)

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát công ty được quy định tại điều 55 điều lệ Công ty cổ phần đầu tư cao su đắk Lắk (viết tắt DRI).
- Căn cứ kết quả kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty CP DRI và công ty con trong năm 2020.

Ban kiểm soát báo cáo kết quả giám sát các mặt hoạt động tại CTCP DRI năm 2020 trước ĐHĐCĐ thường niên cụ thể như sau :

I/ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT :

Do ảnh hưởng của dịch COVID 19 nên nhiều chương trình kiểm tra kiểm soát của BKS Công ty phải thay đổi. Đặc biệt đối với Công ty con Daklaoruco nơi trực tiếp thực hiện SXKD khai thác mỏ của Công ty, nơi quản lý và sử dụng tài sản lớn. Riêng đối với hoạt động tại Công ty mẹ và công ty con Nông nghiệp Công nghệ cao DRI thì vẫn tiến hành kiểm tra kiểm soát theo từng quý đúng tiến độ và yêu cầu đề ra.

Các thành viên BKS tham gia đầy đủ các đợt kiểm tra kiểm soát với tinh thần trách nhiệm cao. Những phát hiện sai sót bất cập trong các đợt kiểm tra về số liệu chứng từ kế toán, hồ sơ XDCB, đầu tư ... đều được BKS trao đổi thẳng thắn với các phòng ban liên quan để kịp thời chỉnh lý. BKS đã được lãnh đạo Công ty, các phòng ban Công ty, công ty con tạo điều kiện thuận lợi, Tiếp cận trực tiếp hồ sơ và thực địa để đối chiếu rà soát các công trình có giá trị đầu tư lớn.

BKS cũng đã tham gia tất cả các cuộc họp của HĐQT Công ty nắm bắt các chủ trương cũng như kết quả triển khai thực hiện nghị quyết HĐQT và nghị quyết ĐHĐCĐ. Các ý kiến tham gia của BKS mang tính chất tư vấn trên cơ sở khách quan trung thực vì lợi ích của Công ty và Cổ đông.

II/ KẾT QUẢ GIÁM SÁT CÔNG TY NĂM 2020

1/ Công tác Quản lý điều hành :

a- Về hoạt động của HĐQT :

Năm 2020 với tình hình dịch bệnh COVID - 19 bùng phát mạnh đã làm ảnh hưởng lớn đến việc chỉ đạo thực hiện thành công nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Những khó khăn thể hiện trên các mặt phong tỏa biên giới cách lý dài

ngày, thực hiện giảm cách xã hội .v.v ..từ đó làm ảnh hưởng đến việc triển khai có hiệu quả nghị quyết của HĐQT đối với SXKD tại Công ty con bên nước bạn Lào - Nơi diễn ra hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Tuy nhiên với tinh thần trách nhiệm và đoàn kết HĐQT đã duy trì chế độ hội họp theo định kỳ và nhiều cuộc họp phát sinh theo yêu cầu của thực tế, đã ban hành 10 nghị quyết trong năm để chỉ đạo thực hiện tốt công tác SXKD và đầu tư.

Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia đầy đủ của các thành viên. Các thành viên thảo luận đóng góp ý kiến thẳng thắn trách nhiệm trước khi chủ tịch kết luận từng nội dung để đưa vào nghị quyết chỉ đạo thực hiện. Quá trình triển khai có sự đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết đã ban hành, tồn tại cần đưa vào tiếp tục chỉ đạo tháo gỡ vướng mắc để đạt được hiệu quả trong điều hành.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính của nghị quyết :

Các thành quả đạt được như báo cáo HĐQT đã nêu đều đã được thẩm định từ số liệu của Công ty, Công ty con và đơn vị kiểm toán, một số chỉ tiêu trọng yếu không đạt gồm :

- Sản lượng thiếu hụt 5% tương đương 800 tấn mù khô, nguyên nhân do phong tỏa phòng chống dịch COVID - 19 Công nhân phải nghỉ cạo và do diễn biến bất thường thời tiết.

- Sản lượng chuối thiếu hụt 28,8% tương đương : 1.322 tấn quả chuối tươi Nguyên nhân công tác dự báo kế hoạch chưa chính xác về trọng lượng buồng và thời điểm thu hoạch và một số thời điểm bị dịch bệnh.

- Doanh thu hụt 5,83% chủ yếu do thiếu hụt sản lượng, chi phí xuất khẩu tăng cao, giá chuối có thời điểm rớt xuống thấp không xuất khẩu được

- Lợi nhuận không đạt kế hoạch ngoài hụt doanh thu còn do lỗ tỷ giá tăng cao so với năm trước giữa đồng kíp Lào (Lak) với Việt nam đồng (cả năm lỗ 13,266 tỷ đồng), nên mặc dù Công ty đã tiết kiệm được rất nhiều chi phí sản xuất để kết quả gần đạt được chỉ tiêu giao.

Nhìn chung trong năm 2020 HĐQT đã có sự chỉ đạo sâu sát, tích cực, cụ thể và trách nhiệm nhưng do ảnh hưởng lớn từ dịch bệnh, thời tiết nên một số chỉ tiêu chính không đạt được như nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra song Công ty vẫn kinh doanh có lãi, bảo toàn vốn và đưa công ty vượt qua giai đoạn khó khăn, để hy vọng năm sau sẽ tốt hơn.

b/ Về Ban điều hành Công ty.

Đứng trước nhiều khó khăn như đã nêu Ban điều hành đã triển khai thực hiện tốt nội dung nghị quyết của HĐQT đề ra, tổ chức tốt công tác khai thác chế biến mù với khả năng cao nhất. Nắm bắt tiến độ thực hiện sản lượng hàng tháng để đôn đốc cán bộ thừa hành xử lý các nguyên nhân gây ảnh hưởng về nhân lực, ngày công, phương tiện hỗ trợ và chế độ tiền lương. Tăng cường công tác đào tạo cán bộ tại dự án để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ trước HĐQT và cổ đông. Thực hiện mở rộng các đối tượng khách hàng mua mù lên 18 nước trên thế giới, nâng cao tỷ trọng khối lượng xuất khẩu đạt 62,88% từ đó tiếp cận tốt với thị trường quốc tế. Thực hiện siết chặt các chi phí sản xuất để không lỗ khi sản lượng thiếu hụt lớn.

- Triển khai đúng tiến độ các nội dung phát triển cao su bền vững theo chủ trương của Công ty; Thực hiện triển khai tốt dự án mới về trồng chuối và cây ăn trái trên diện tích 66 ha,

- Xử lý tốt thông tin, đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ, minh bạch về các mặt hoạt động của Công ty lên Web và cho các cơ quan chức năng quản lý nhà nước. Kịp thời phản hồi các kiến nghị của cổ đông liên quan đến quyền và lợi ích của cổ đông.

- Triển khai công tác hạch toán kế toán theo hai hệ thống song song và Kế toán Việt Nam và Kế toán Lào để tiến tới hoàn thiện hồ sơ thủ tục hoàn thuế VAT cũng như công tác kê khai thuế quyết toán thuế tại nước Lào sở.

Kết quả công tác điều hành về các lĩnh vực quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh và đầu tư đã được Ban điều hành báo hết sức chi tiết cụ thể và sát đúng với tình hình thực tế của Công ty.

Năm 2020 Ban điều hành từ Công ty mẹ xuống các công ty con đã có sự nỗ lực để thực hiện các chỉ tiêu nghị quyết ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT tuy nhiên do ảnh hưởng lớn bởi dịch COVID - 19 nên chỉ tiêu sản lượng không đạt được đã ảnh hưởng dây chuyền đến nhiều chỉ tiêu quan trọng. Ngoài ra việc biên giới bị phong tỏa cách ly, dịch bệnh cũng đã ảnh hưởng ít nhiều đến việc kiểm tra chỉ đạo thực tế tình hình khai thác và chế biến mủ tại Công ty con. Về công tác cán bộ quản lý tại Daklaoruco mặc dù đã được BKS nêu năm trước nhưng Công ty chưa có các giải pháp hữu hiệu để tăng cường nguồn nhân lực quản lý.

c/ Đánh giá các giao dịch nội bộ :

Trong năm 2020 giữa công ty DRI và công ty mẹ - CPCP Cao su Đắc Lắc có các giao dịch mua bán mủ thành phẩm. Qua soát xét việc mua bán mủ này đã được HĐQT thống nhất cho ý bằng nghị quyết. Các giao dịch kinh tế tuân thủ nguyên tắc thị trường, theo giá thời điểm chào bán công khai cho các đối tác khách hàng đang giao dịch với Công ty. BKS không phát hiện các dấu hiệu bất thường trong các giao dịch nội bộ nêu trên.

3/ Tình hình tài chính công ty :

BKS Thống nhất với số liệu tài chính đã được kiểm toán độc lập soát xét và phát hành. Số liệu tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2020 như sau :

TT	TÀI SẢN	Mã số	Số dư tại ngày 31/12/2020	Số dư tại ngày 31/12/2019
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	149,399,427,572	119,143,398,832
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	32,171,593,506	55,231,618,683
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	48,791,772,665	12,465,695,304
IV	Hàng tồn kho	140	66,293,631,879	48,085,074,185
V	Tài sản ngắn hạn khác	152	2,142,429,522	3,361,010,660
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1,057,624,740,959	1,206,764,953,920
II	Tài sản cố định	220	970,142,529,943	1,096,418,882,986

500127
CÔNG
ĐỒ PH
TƯC
ĐẮK L
TA THU

for

IV	Tài sản dở dang dài hạn	240	63,773,873,757	83,168,308,169
V	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	3,000,000,000	3,000,000,000
VI	Tài sản dài hạn khác (CP Trả trước)	260	20,708,337,259	24,177,762,765
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1,207,024,168,531	1,325,908,352,752
	NGUỒN VỐN			
I	NỢ PHẢI TRẢ	300	436,252,449,071	491,908,751,649
1	Nợ ngắn hạn	310	231,822,639,586	215,729,638,474
2	Nợ dài hạn	330	204,429,809,485	276,179,113,175
II	NGUỒN VỐN	400	770,771,719,460	833,999,601,103
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	732,000,000,000	732,000,000,000
2	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	(15,363,018,605)	37,862,803,327
3	Quỹ đầu tư phát triển	418	25,703,057,182	19,309,582,592
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23,343,264,836	39,942,099,068
5	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5,088,416,047	4,885,116,116
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1,207,024,168,531	1,325,908,352,752

Phân tích các yếu tố biến động tài sản và nguồn vốn :

- Về tài sản : Tổng tài sản giảm 118,8 tỷ đồng do trong năm khoản mục tài sản dài hạn giảm do khấu hao và chênh lệch tỷ giá các tài sản hình thành từ nguồn gốc vay ngoại tệ. Tổng tài sản giảm nhưng tài sản ngắn hạn vẫn tăng làm thay đổi cơ cấu tài sản theo chiều hướng tốt, tạo điều kiện tăng thanh khoản trong kinh doanh.

- Về nguồn vốn : Tổng nguồn vốn giảm so với đầu năm chủ yếu do trả bớt nợ vay và lỗ chênh lệch tỷ giá của các tài sản có gốc ngoại tệ trong đầu tư. Tổng số tiền nợ vay ngân hàng giảm so với đầu kỳ trên 71 tỷ đồng.

Các hệ số tài chính đánh giá doanh nghiệp năm nay so với năm trước :

TT	Chỉ Tiêu tài chính	tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
1	Hệ số thanh toán nhanh	0.35	0.31
2	Chỉ số thanh toán ngắn hạn	0.64	0.55
3	Hệ số nợ/ Tài sản	0.36	0.37
4	Hệ số nợ /Vốn chủ	0.57	0.59
5	Tỷ lệ vốn chủ trên tài sản	0.64	0.63
6	Tỷ suất sinh lời trên tài sản (ROA)	4,9	6,2
5	Tỷ suất sinh lời trên tổng vốn cổ phần (ROE)	329	505

Các chỉ số cho thấy không có biến động mạnh so với năm trước, các chỉ số thanh toán có chiều hướng tích cực nhờ Công ty giảm được nợ vay ngân hàng khi dòng tiền trong kinh doanh liên tục tăng trưởng dương trong 02 năm liền (năm 2020 dương trên 56 tỷ đồng, năm 2019 dương trên 141 tỷ đồng) Từ đó dẫn đến hệ

số nợ trên vốn chủ giảm dần, cơ cấu vốn chủ trên tổng tài sản cũng được cải thiện. Tình hình tài chính Công ty vẫn trong trạng thái an toàn cao. Tuy nhiên việc đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh trên tài sản và vốn cổ phần đạt thấp do nhiều nguyên nhân mà HĐQT và Ban điều hành đã nêu trước ĐHĐCĐ

Nhìn chung tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tương đối tốt mặc dù có gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn có lãi để chia cổ tức, đảm bảo uy tín cổ đông và khách hàng. Với những tín hiệu tương đối tích cực các tháng đầu năm 2021 về giá cao su, cổ phiếu DRI trên sàn Upcom đã giao dịch tương đối sôi động và thị giá cổ phiếu đã đạt mức ngang bằng mệnh giá 10 ngàn đồng, chúng ta có quyền hy vọng về một năm kinh doanh thành công trong năm 2021.

III/ CHƯƠNG TRÌNH KẾ HOẠCH NĂM 2021 :

Xuất phát từ tình hình dịch bệnh COVID- 19 trong nước và thế giới còn nhiều bất ổn, khó lường, tình hình giao thương quốc tế giữa Việt nam và Lào vẫn chưa được khơi thông do đó công tác kiểm tra kiểm soát trực tiếp tại đơn vị sản xuất chủ yếu của Công ty vẫn bị gián đoạn.

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ BKS đề ra các nhiệm vụ trọng tâm sau đây.

1. Thường xuyên giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành theo quy định, kiểm tra kiểm soát hoạt động SXKD và đầu tư tại Công ty mẹ và các Công ty con trong đó chú trọng về công tác thực hiện các chỉ tiêu nghị quyết ĐHĐCĐ; Giám sát công tác sản xuất, công tác bán hàng, công tác tài chính kế toán, kiểm soát sử dụng tài sản, tiền vốn; Giám sát các hợp đồng giao dịch nội bộ; Giám sát công tác bảo mật và công bố thông tin, chế độ chính sách người lao động, việc chấp hành pháp luật.

2. Phản hồi cho HĐQT và Ban điều hành những bất cập phát hiện trong quá trình kiểm tra kiểm soát, đề xuất các giải pháp khắc phục.

3. Kiểm soát từ xa Công ty Daklaoruco thông qua số liệu chương trình kế toán định kỳ, các báo cáo giao ban và yêu cầu các phòng ban Daklaoruco báo cáo các nội dung cần thiết. Tăng cường kiểm tra giám sát tình hình SXKD và tài chính đối với CT TNHH CNC DRI.

4. Tham gia các cuộc họp của HĐQT công ty, Tích cực tham gia chứng kiến về các nội dung được tham dự với tư cách tham vấn để HĐQT có quyết định.

5. Thực hiện các cuộc kiểm tra kiểm soát theo yêu cầu của HĐQT công ty, nhóm cổ đông lớn công ty.

6. Các công việc khác theo quy chế hoạt động và theo điều lệ công ty.

Trên đây là báo cáo công tác kiểm soát trong năm 2020, đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Thạc Hoàn

Số: 02/TTr-CT

Buôn Ma Thuột, ngày 22 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021

Kính thưa quý cổ đông,

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 24 tháng 2 năm 2012;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 04/01/2021 và Nghị quyết số 03/NQ-CT, ngày 22/3/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021 như sau:

I. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021:

1- Chỉ tiêu về khối lượng:

1.1- Tổng diện tích cây trồng: 9.467,90 ha

- Tổng diện tích cây cao su: 8.810,50 ha, trong đó:
 - + Diện tích cao su KTCB: 178,36 ha;
 - + Diện tích cao su khai thác: 8.632,14 ha.
- Diện tích cây điều: 497,58 ha.
- Diện tích cây bạch đàn: 17,65 ha.
- Diện tích cây chuối xen sầu riêng trồng xen trên vườn cao su: 142,17 ha.

1.2- Sản lượng các loại sản phẩm khai thác trong năm:

- Cao su : 16.500 tấn mù khô;
- Điều : 209 tấn tươi;
- Chuối : 4.800 tấn quả.

2. Chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận, cổ tức:

2.1- Tổng doanh thu: 586,875 tỷ đồng, trong đó:

- + Bán mủ cao su thành phẩm : 556,087 tỷ đồng (giá bán bình quân 1.413 USD/tấn), trong đó xuất khẩu 65% của tổng sản lượng tiêu thụ 17.000 tấn.
- + Bán điều tươi : 5,225 tỷ đồng (giá bán bình quân 1.080 USD tấn tươi)
- + Bán chuối trái : 24,998 tỷ đồng (giá bán bình quân 5.207 đồng/kg)

+ Doanh thu tài chính : 564 triệu đồng.

2.2- *Tổng chi phí*: 526,250 tỷ đồng

+ SXKD cao su : 497,676 tỷ đồng (giá vốn: 1.265 USD/tấn)

+ SXKD điều : 5,213 tỷ đồng (giá vốn: 1.078 USD/tấn)

+ SXKD chuối : 23,316 tỷ đồng (giá vốn: 4.866 đồng/kg)

2.3- *Lợi nhuận trước thuế*: 60.624 triệu đồng;

2.4- *Tỷ lệ chia cổ tức năm 2021*: dự kiến: 5% vốn điều lệ.

3- Thu nhập bình quân: gián tiếp: 15,94 triệu đồng/người/tháng; trực tiếp là: 5,79 triệu đồng/người/tháng.

II. Các chỉ tiêu đầu tư năm 2021:

1. Đầu tư nông nghiệp vườn cây KTCB 2021:

- Chăm sóc 178,36 ha cao su và 142,17 ha sầu riêng kiến thiết cơ bản.

- Tổng mức đầu tư nông nghiệp: **9.040,14 triệu đồng** (trong đó cao su 1.953 triệu đồng, sầu riêng KTCB là 7.087,14 triệu đồng).

2. Đầu tư XD CB:

- Tổng mức đầu tư năm 2021 là: **15.278,55 triệu đồng**; trong đó tại Dự án chuối là 1.161,05 triệu đồng, Daklaoruco 14.117,5 triệu đồng.

Trên đây là Tờ trình của HĐQT Công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Lương

Số: 03.../TT-CT

Buôn Ma Thuột, ngày 22 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH
V/v Thông qua Điều lệ và các Quy chế

Kính thưa Quý cổ đông,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về Hướng dẫn một số điều về Quản trị Công ty áp dụng cho Công ty Đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 3 năm 2021 của HĐQT;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các Quy chế của Công ty như sau:

1. Thông qua toàn văn điều lệ và các Quy chế sau:
 - a) Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc;
 - b) Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc;
 - c) Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc;
 - d) Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc.
2. Lý do sửa đổi: bổ sung, điều chỉnh theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.
3. Giao cho HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc tiếp thu ý kiến đóng góp của cổ đông, điều chỉnh trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Công ty và ký ban hành các văn bản trên;
4. Điều lệ Công ty được sửa đổi bổ sung theo mục 3 của Tờ trình này có hiệu lực từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua; HĐQT ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty; Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty; Các quy chế nêu tại điểm b, c, d mục 1 và sau khi sửa đổi bổ sung theo mục 3 Tờ trình này sẽ có hiệu lực khi HĐQT và Ban Kiểm soát ký ban hành. Các văn bản này sẽ thay thế cho Điều lệ và các Quy chế đã ban hành trước đây. Chi tiết quy định tại các quyết định ban hành Điều lệ và các Quy chế nói trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ TN 2021;
- TV HĐQT; BKS; Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Việt Tường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

DRI

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

TP. BUÔN MA THUỘT THÁNG 4 NĂM 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I	5
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
CHƯƠNG II.....	6
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN.....	6
THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
CHƯƠNG III.....	8
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
CHƯƠNG IV	9
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	10
CHƯƠNG V.....	11
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
CHƯƠNG VI	11
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	11
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....	17
Điều 17. Thay đổi các quyền	18
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông....	20
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	25
CHƯƠNG VII.....	26
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	26
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	29
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	33
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	33
CHƯƠNG VIII.....	34
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	34
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	34
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	34
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	35
CHƯƠNG IX	36
BAN KIỂM SOÁT	36
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	36
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát	36
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	37
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	42
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	43
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát ..	43
CHƯƠNG X.....	39
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	44
Điều 42. Trách nhiệm căn trọng.....	44
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	44
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	45
CHƯƠNG XI	46
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	46
Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	46
CHƯƠNG XII.....	47
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	47
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn.....	47
CHƯƠNG XIII.....	47

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	47
Điều 47. Phân phối lợi nhuận.....	47
CHƯƠNG XIV.....	48
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH.....	48
VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	48
Điều 48. Tài khoản ngân hàng	48
Điều 49. Năm tài chính	48
Điều 50. Chế độ kế toán.....	48
Điều 51. Trích lập Quỹ	48
CHƯƠNG XV	49
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH	49
VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	49
Điều 52. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	49
Điều 53. Báo cáo thường niên.....	49
CHƯƠNG XVI.....	50
KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	50
Điều 54. Kiểm toán.....	50
CHƯƠNG XVII	50
CON DẤU.....	50
Điều 55. Con dấu.....	50
CHƯƠNG XVIII	50
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	50
Điều 56. Giải thể Công ty	50
Điều 57. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông.....	51
Điều 58. Gia hạn hoạt động	51
Điều 59. Thanh lý.....	51
CHƯƠNG XIX.....	52
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	52
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	52
CHƯƠNG XX.....	53
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	53
Điều 61. Điều lệ công ty	53
CHƯƠNG XXI.....	53
NGÀY HIỆU LỰC	53
Điều 62. Ngày hiệu lực	53

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên tổ chức vào ngày 15 tháng 4 năm 2021

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
- Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- Thành viên hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
- Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, cụ thể như sau:
 - a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;

b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

đ) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II.

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: DAKLAK RUBBER INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

- Tên Công ty viết tắt: DRI

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: 59 Cao Thắng, Phường Tân an, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

- Điện thoại: 0262-3867676

- Fax: 0262-3865303

- E-mail:dri@dri.com.vn
- Website:www.dri.com.vn
- Công ty con

(1) CÔNG TY TNHH CAO SU DAKLAK (DAKLAORUCO)

Địa chỉ: Bản Tha Luông, Huyện Paske, tỉnh Champasak, Nước Cộng Hoà Dân Chủ Nhân Dân Lào.

Ngành nghề kinh doanh: Trồng, chăm sóc, khai thác , chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên và các cây công nghiệp, cây rừng, cây nông nghiệp ngắn/dài ngày.

Tỷ lệ góp vốn: 100%

(2) CÔNG TY TNHH NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO DRI

Địa chỉ: 59 Cao Thắng, Phường Tân an, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

Ngành nghề kinh doanh: Trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế và thu mua các loại chuối chất lượng cao và các cây ăn quả khác như mít, sầu riêng, bơ phục vụ bán cho các siêu thị, chuỗi bán lẻ và xuất khẩu;

Tỷ lệ góp vốn: 80,77%

- Địa bàn hoạt động: trên toàn lãnh thổ Việt Nam và ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có thể thay đổi trụ sở chính hoặc thành lập các đơn vị trực thuộc như chi nhánh, văn phòng đại diện, cửa hàng, ... trong phạm vi cả nước và ở nước ngoài theo quyết định của HĐQT và sau khi đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo luật định.

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 62 Điều lệ này hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 64 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn tính từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú ở Việt Nam; Trường hợp vắng mặt trên 30 ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền thì thực hiện theo khoản 4 điều 14 Luật Doanh nghiệp 2020. Tiêu chuẩn và điều kiện của người ủy quyền đại diện theo pháp luật của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

5. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III.

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Đầu tư trồng mới, chăm sóc, khai thác cây cao su, chế biến và mua, bán, xuất khẩu các sản phẩm từ cây cao su, cây ăn quả, cây nông nghiệp khác. Đầu tư quản lý các dự án liên quan đến phát triển nông nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, thủy lợi. Khai thác chế biến các mỏ bùn, sản xuất kinh doanh phân bón.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: Tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông cũng như nhà đầu tư. Phát triển doanh nghiệp bền vững, góp phần phát triển kinh tế xã hội tại các vùng dự án mà Công ty đầu tư.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 732.000.000.000 đồng (bảy trăm ba mươi hai tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 73.200.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác;

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy

đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị phải bao gồm các nội dung sau đây:

Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc theo hình thức khác do điều lệ Công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phiếu mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu, trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

f) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu của cổ phần tại Công ty;

g) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;

h) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

i) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty Công bố theo quy định của Pháp luật;

l) Được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và các tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Điều lệ này. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

13.1. Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty và người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty;

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

d. Chịu trách nhiệm cá nhân về chi phí khi trực tiếp hoặc tham gia yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông với lý do, nguyên nhân không phù hợp.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

13.2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ sau đây:

a) Cổ Đông lớn là Cổ Đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm (05)% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty;

Tổ chức, cá nhân trở thành Cổ Đông lớn của Công Ty phải gửi báo cáo bằng văn bản đến Công Ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ Đông lớn theo Phụ lục VII Thông tư 96/2020 ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

b) Khi có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một (01)% số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ Đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công Ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công Ty được niêm yết/đăng ký giao dịch theo Phụ lục VIII Thông tư 96/2020 ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

c) Quy định tại các Điểm a, Điểm b và Điểm c trên đây cũng áp dụng đối với Người Có Liên Quan sở hữu từ năm (05)% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường

niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ). Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 30% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán,

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 30% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty sau kiểm toán;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Chấp thuận hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 và 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mọi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền

tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- đ) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 điều này thì chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ **33%** tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Các nội dung biểu quyết được thể hiện trên Phiếu biểu quyết cùng với các ô tán thành, không tán thành, không ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết để cổ đông thực hiện quyền của mình. Việc kiểm phiếu được thực trên phần mềm kiểm phiếu và công bố kết quả tại Đại hội sau khi có kết quả kiểm phiếu và trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau

đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 30% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp.

4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp .

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường

hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành hoặc có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trình tự, thủ tục bầu cử Hội đồng quản trị được thực hiện theo Quy chế Biểu quyết và Bầu cử của Công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT được bầu bổ sung là thời gian còn lại của nhiệm kỳ tính từ ngày có Nghị quyết là Thành viên HĐQT của ĐHĐCĐ.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, không mang quốc tịch Việt Nam và/hoặc không cư trú tại Việt Nam.

7. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

8. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng;
- e. Quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp. Đối với cổ phần loại khác, nếu điều lệ công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua không được thấp hơn giá thị trường;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định việc thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị và ban hành Quy

chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán này, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp, trường hợp đột xuất thì phải báo trước ít nhất 24h. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Biểu quyết:

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 12 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản 12 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 49 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

13. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản và chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham

dự cuộc họp. Trường hợp có thành viên HĐQT không thể sử dụng tiếng Việt thì nội dung biên bản cuộc họp có thể dịch sang tiếng Anh và thành viên đó phải ký tên trên cả biên bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

16. Tổng giám đốc, trưởng ban kiểm soát và những cán bộ quản lý khác, các chuyên gia có thể dự họp theo lời mời của HĐQT, thành viên dự thính tham gia phát biểu, đóng góp ý kiến nhưng không được biểu quyết. Thời gian và thủ tục gọi Thông báo mời họp cho các thành viên dự thính tương tự như quy định đối với các thành viên HĐQT.

17. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Trường hợp Công ty chưa thành lập các tiểu ban giúp việc cho HĐQT thì phải phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên HĐQT trong đó có thể phân công 01 thành viên độc lập HĐQT phụ trách vấn đề lương thưởng.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện

thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tiêu chuẩn bổ nhiệm hay tuyển dụng Tổng giám đốc được quy định trong Quy chế Quản trị Công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại khi có ủy quyền của người đại diện theo pháp luật, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo kế hoạch tài chính đã phê duyệt; Quy chế quản lý tài chính của Công ty và những thông lệ quản lý tốt nhất;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

f) Tuyển dụng lao động;

g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h) Vào tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

i) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liên trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
- 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- 9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Điều 42. Mỗi quan hệ giữa Công ty với các Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ.

1. Các Công ty con do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ gồm:
 - a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ;
 - b) Công ty ở nước ngoài do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ.
2. Các Công ty nêu tại Khoản 1 Điều này được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại hình công ty đó.
3. Công ty là chủ sở hữu của các Công ty nêu tại Khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các Công ty này. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, bao gồm:
 - a) Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà Công ty con báo cáo Công ty để trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc quyết định;
 - b) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đối với Công ty con;
 - c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại Công ty con.
4. Công ty thực hiện quyền Chủ sở hữu đối với Công ty con theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định dưới đây:
 - a) Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản;
 - b) Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
 - c) Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của Công ty con;
 - d) Quyết định cử người đại diện vốn; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kiểm soát viên của Công ty con;
 - e) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát

triển 05 năm và hàng năm của Công ty con;

f) Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản và thanh lý tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn **10%** vốn chủ sở hữu của Công ty con;

g) Phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, xử lý các khoản lỗ, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty;

h) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý của Công ty theo Điều lệ Công ty con;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác của chủ sở hữu đối với Công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty con không trái với Điều lệ này.

5. Công ty con nêu tại Khoản 1, Điều này có quyền ký kết hợp đồng, thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tổ chức và nhân sự theo quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty con; phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng quản trị Công ty.

Điều 43. Mỗi quan hệ với Công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối hoặc Công ty giữ quyền chi phối

1. Công ty là chủ sở hữu cổ phần, vốn góp chi phối tại các Công ty con có cổ phần, vốn góp chi phối. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn hoặc cổ phần của Công ty tại các Công ty con này thông qua người đại diện vốn tại các công ty bằng Quy chế hoạt động người đại diện vốn của Công ty.

2. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với Công ty con nêu tại Khoản 1, điều này theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định dưới đây:

a) Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn của Công ty đầu tư tại Công ty con; thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty con; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty con trong phạm vi số vốn mà Công ty đã góp vào Công ty con;

b) Chỉ định người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật người đại diện; quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của người đại diện; đánh giá đối với người đại diện;

c) Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty con.

3. Công ty giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định các nội dung sau của doanh nghiệp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sau khi Hội đồng quản trị Công ty có ý kiến thỏa thuận:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu

cầu phá sản doanh nghiệp;

b) Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

c) Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

d) Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Đề cử đề bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp;

e) Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm, hàng năm của doanh nghiệp;

f) Chủ trương góp vốn, tỷ lệ nắm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác;

g) Chủ trương Quyết định từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản hoặc quyết định các phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;

h) Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay, thế chấp, cầm cố tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;

i) Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm;

j) Chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

k) Yêu cầu Người đại diện báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định việc chấp hành Pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn Công ty tại doanh nghiệp; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh;

4. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, bao gồm: Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà các Công ty con báo cáo Công ty để trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét, thông

qua hoặc quyết định; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đối với Công ty con; kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất, kinh doanh tại Công ty con.

5. Các quan hệ về kinh tế giữa Công ty với Công ty con, được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế.

Điều 44. Quan hệ giữa Công ty với các Công ty do Công ty nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ

1. Công ty liên kết là các Công ty do Công ty nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại hình Công ty đó.

2. Công ty là chủ sở hữu phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp nêu ở Khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu phần vốn góp tại các doanh nghiệp này thông qua người đại diện vốn tại các công ty bằng Quy chế hoạt động người đại diện phần vốn của Công ty tại doanh nghiệp khác. Hội đồng quản trị giao cho Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thẩm định các báo cáo, đề xuất của Người đại diện vốn tại doanh nghiệp để trình Hội đồng quản trị cho ý kiến thỏa thuận, trên cơ sở đó người đại diện vốn tại doanh nghiệp thực hiện các quyền của cổ đông hoặc quyền của thành viên Hội đồng quản trị... phù hợp với quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp và quy định của Pháp luật.

3. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với Công ty liên kết được quy định tại Quy chế này và các quy định dưới đây:

a) Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn Công ty đầu tư tại doanh nghiệp; thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Công ty đã góp vào doanh nghiệp;

b) Chỉ định Người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện theo ủy quyền, quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của Người đại diện theo ủy quyền; đánh giá đối với Người đại diện theo ủy quyền;

c) Yêu cầu Người đại diện theo ủy quyền thực hiện các nội dung đã được giao quy định tại Điểm d Khoản này, trừ trường hợp Điều lệ của doanh nghiệp có quy định khác; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp;

d) Công ty giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định và chịu trách nhiệm các nội dung sau của doanh nghiệp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng

cổ đông:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh;
 - Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;
 - Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị; Đề cử đề bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp;
 - Chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay; thế chấp, cầm cố tài sản hoặc phương án thanh lý, nhượng bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;
 - Báo cáo tài chính hằng năm, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm của doanh nghiệp.
- e) Yêu cầu Người đại diện theo ủy quyền báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn Công ty tại doanh nghiệp;
- f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 45. Quan hệ giữa Công ty với công ty tự nguyện liên kết

Công ty quan hệ với công ty tự nguyện liên kết thông qua hợp đồng hoặc thỏa thuận về: Định hướng và lựa chọn công nghệ; nghiên cứu và phát triển thị trường; phát triển diện tích trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su/cây trồng khác; liên kết đầu tư, kinh doanh các ngành, nghề mà luật pháp không cấm; liên kết nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực.

Điều 46. Mối quan hệ giữa Công ty với các Đơn vị phụ thuộc

1. Các Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc Công ty không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn và tài sản tại đơn vị phụ thuộc thuộc sở hữu của Công ty. Công ty có thể phân cấp, ủy quyền cho các đơn vị phụ thuộc thực hiện một số nhiệm vụ trong công tác quản lý tài chính. Việc phân cấp, ủy quyền thực hiện thông qua các quy chế về tổ chức, hoạt động được Tổng Giám đốc Công ty ban hành bằng văn bản phổ biến tới từng đơn vị phụ thuộc.

2. Công ty thực hiện chế độ hạch toán tập trung. Kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị phụ thuộc được thể hiện trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định khác có liên quan.

Điều 47. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện phần vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Được Hội đồng quản trị Công ty giới thiệu tham gia ứng cử vào các chức danh quản lý, điều hành tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện vốn của Công ty thực hiện theo Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG XI

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 48. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan

Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn

khô luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XII

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 51. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XIII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 52. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 53. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 54. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 55. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm đó nếu Pháp luật cho phép.

Điều 56. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 57. Trích lập Quỹ

Hàng năm, căn cứ vào lợi nhuận sau thuế của mình, Công ty sẽ trích lập các Quỹ thi đua khen thưởng, Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính, ... Tỷ lệ trích lập các Quỹ do Hội đồng quản trị kiến nghị và Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Nguyên tắc trích lập các quỹ như sau:

a) Lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi trừ đi các khoản hợp lý, Công ty tiến hành trích lập quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ của Công ty và bù đắp các

khoản tổn thất phát sinh (nếu có) theo đúng chế độ. Khoản trích này không vượt quá năm phần trăm (5%) lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng mười phần trăm (10%) vốn điều lệ của Công ty.

b) Các quỹ khác do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định hàng năm theo hiệu quả sản xuất kinh doanh bao gồm:

- Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế, nhưng không quá 30% của lợi nhuận sau thuế;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- Quỹ khen thưởng theo hiệu quả kinh doanh cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác.

CHƯƠNG XVI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 58. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh một cách trung thực và khách quan về tình hình lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 59. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVII KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 60. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVIII CON DẤU

Điều 61. Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIX CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 62. Giãn dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 63. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông

Các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại đến tòa án để yêu cầu giải thể Công ty khi xảy ra một trong các tình huống sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hành động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 64. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 65. Thanh lý Công ty

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 66. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định hoặc yêu cầu trưởng ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XXI

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 67. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 68. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 68 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk nhất trí thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Buôn Ma Thuột, ngày 15 tháng 4 năm 2021

Chữ ký của Người Đại diện theo Pháp luật

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Việt Trường

BMT, ngày 15 tháng 04 năm 2021.

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-CT ngày 15 tháng 04 năm 2021

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành

vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý công ty. Đồng thời, quy chế này là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị tại Công ty.

3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ và từ viết tắt

1. Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của Công ty thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy Chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

- a) *Quản trị công ty*: là hệ thống các nguyên tắc và quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những bên có quyền lợi liên quan đến Công ty.
- b) *Điều lệ*: là điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk, bao gồm mọi sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp lệ.
- c) *Người quản lý doanh nghiệp*: theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Điều lệ bao gồm, Chủ tịch HĐQT, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, và các chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết các hợp đồng giao dịch của Công ty theo quy định tại điều lệ Công ty.
- d) *Cổ đông lớn*: là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
- e) *Người có liên quan*: theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
- f) *Người điều hành doanh nghiệp*: theo điều 34 Điều lệ Công ty gồm Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng
- g) *Người điều hành doanh nghiệp khác* : Ngoài các chức danh là người điều hành doanh nghiệp theo điều 34 Điều lệ Công ty, Người điều hành doanh nghiệp khác do Tổng giám đốc đề nghị và được HĐQT chấp thuận;
- h) *Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác* là người được HĐQT cử làm đại diện phần vốn góp của DRI, có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 21 của Quy chế này. Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác có thể tham gia làm thành viên HĐQT, hoặc làm người điều hành do HĐQT Công ty đề cử.
- i) *Công ty*: Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (DRI).
- j) *Thông tin nội bộ*: là những thông tin liên quan đến công ty chưa được công bố mà nếu được công bố có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Công ty.

2. Trong Quy Chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản của Điều Lệ

hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3: Nguyên tắc Quản trị công ty

1. Định nghĩa:

Quản trị công ty là những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát công ty, liên quan tới các mối quan hệ giữa Bộ máy quản lý, Hội đồng quản trị và các cổ đông của một công ty với các bên có quyền lợi liên quan.

2. Các nguyên tắc Quản trị công ty

Các nguyên tắc Quản trị công ty bao gồm:

- ✓ Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật;
- ✓ Tôn trọng đạo đức kinh doanh, có trách nhiệm đối với xã hội;
- ✓ Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- ✓ Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- ✓ Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- ✓ Đảm bảo vai trò của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- ✓ Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
- ✓ Hội đồng quản trị định hướng, giám sát và Ban kiểm soát kiểm soát Công ty có hiệu quả.

Các nguyên tắc Quản trị công ty nhằm giúp cho cơ cấu quản trị của Công ty được minh bạch và thể hiện sự cam kết của HĐQT trong việc Quản trị công ty hiệu quả, đó là xây dựng và đẩy mạnh:

- Một mô hình quản lý có trách nhiệm và dựa trên các giá trị đạo đức kinh doanh.
- Một Hội đồng quản trị và Bộ máy quản lý phục vụ những lợi ích cao nhất của công ty và các cổ đông, bao gồm cả các cổ đông nhỏ lẻ, và tìm cách làm gia tăng giá trị cho các cổ đông một cách bền vững.
- Công khai thông tin một cách phù hợp và đảm bảo tính minh bạch, cũng như một hệ thống quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ hiệu quả.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định liên quan khác của pháp luật Việt Nam. Quyền và

nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại và Điều 15 của Điều lệ Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp và thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị triệu tập đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại khoản 2,3 điều 14 Điều lệ Công ty. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo khoản 3 điều 14 của điều lệ thì Ban kiểm soát và cổ đông hoặc nhóm cổ đông sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo khoản 4 của điều 14 điều lệ Công ty.

- Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ Đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và trên website của Công Ty.

- Công ty chuẩn bị một danh sách các Cổ Đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. Thông báo triệu tập, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông;

- Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư.

- Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ Đông hoặc/và đăng trên website của Công Ty.

- Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ có thể đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông, phải gửi văn bản đề xuất cùng các tài liệu chứng minh về số lượng cổ phiếu nắm giữ, biên bản thống nhất nội dung đề xuất của nhóm cổ đông. Đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty trước ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi bắt đầu khai mạc. Đề xuất phải bao gồm: tên Cổ Đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

3. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ủy quyền tham dự và điều kiện tiến hành;

- Một bộ phận được HĐQT chỉ định có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký

dự họp ĐHĐCĐ.

- Việc đăng ký dự họp ĐHĐCĐ bao gồm việc đăng ký cổ đông và đại diện được ủy quyền của cổ đông tham dự trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ. Cổ đông được đăng ký để xác minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp theo quy định để cuộc họp ĐHĐCĐ bắt đầu một cách hợp lệ.

- Trong trường hợp cổ đông cử hơn một người đại diện được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện.

- Cổ đông, Người Được Ủy Quyền Dự Họp có thể đăng ký tham dự qua thư điện tử, nhưng vẫn phải mang theo và xuất trình thư triệu tập, giấy tờ tùy thân, giấy ủy quyền và các giấy tờ liên quan cần thiết với Ban tổ chức đại hội để đăng ký tại tổ chức cuộc họp.

- Thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông: Cổ đông sẽ thực hiện việc ủy quyền bằng văn bản ủy quyền cho Người Được Ủy Quyền Dự Họp theo mẫu được Công ty gửi kèm tài liệu. Cổ đông có thể gửi trước thông tin về văn bản ủy quyền đến Ban tổ chức trước ngày khai mạc cuộc họp.

- Trong trường hợp Thông báo có kèm phiếu biểu quyết, cổ đông được xem là có tham dự cuộc họp trong trường hợp đã gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất 1 ngày trước khi khai mạc cuộc họp.

- Việc kiểm tra tư cách đại biểu để quyết định xem ĐHĐCĐ có đủ điều kiện để tiến hành được quy định tại Khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty. Các giấy tờ cần được mang tới cuộc họp, xuất trình và kiểm tra khi đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được ghi rõ trong thông báo mời họp ĐHĐCĐ, bao gồm: chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc bản sao giấy đăng ký kinh doanh, thư mời và giấy ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền). Việc đăng ký được thực hiện tại địa điểm diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Việc kiểm tra và công bố tỷ lệ cổ đông tham dự tối thiểu được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Điều lệ Công ty. Cụ thể, Ban kiểm tra tư cách cổ đông được HĐQT chỉ định có trách nhiệm kiểm tra và thông báo số lượng đại biểu dự cuộc họp thỏa mãn tỷ lệ tham dự tối thiểu theo quy định. Tỷ lệ này phải được Ban kiểm tra tư cách cổ đông công bố ngay sau khi kết thúc việc đăng ký cổ đông dự họp và trước khi cổ đông thực hiện biểu quyết.

4. Cách thức bỏ phiếu;

- Trừ khi có quy định khác, khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty cấp cho từng Cổ Đông hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp có quyền biểu quyết Thẻ biểu quyết, Phiếu bầu cử trên đó có ghi số đăng ký/mã số, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên Người Được Ủy Quyền Dự Họp (nếu có) và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó

- Nội dung của Thẻ biểu quyết tùy thuộc vào nội dung cuộc họp Đại hội đồng

cổ đông. Hình thức và nội dung của Phiếu bầu cử theo quy định tại Quy chế Biểu quyết & Bầu cử.

- Khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ, Cổ Đông thực hiện biểu quyết trên thẻ biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu

- Thông thường, Cổ Đông bỏ các thẻ biểu quyết hoặc bầu cử vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.

- Công ty sẽ nỗ lực ghi nhận các ý kiến phát biểu, biểu quyết của cổ đông thông qua phương tiện điện tử và/hoặc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. Các cổ đông có nhu cầu biểu quyết bằng hình thức từ xa sẽ được cấp thẻ biểu quyết điện tử khi tiến hành đăng ký từ xa. Thẻ biểu quyết điện tử có giá trị tương đương với cách thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. Trong trường hợp này, Cổ đông phải gửi Thẻ biểu quyết, phiếu bầu cử đến Ban tổ chức đại hội trước giờ biểu quyết.

- Đối với các nội dung biểu quyết được Đại hội quyết định biểu quyết công khai: Ban Tổ chức sẽ phát Phiếu biểu quyết riêng cho các nội dung này để các Cổ đông/Người được ủy quyền thực hiện biểu quyết công khai theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu.

- Các nội dung khác sẽ được đề cập cụ thể khi công ty quyết định áp dụng hình thức họp trực tuyến.

5. Cách thức kiểm phiếu;

- Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu (nếu cần) theo đề nghị của Chủ tọa. Ban tổ chức sẽ đề cử nhân sự cho Tổ giúp việc kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu có thể quyết định nhân sự của Tổ giúp việc cho mình.

- Đối với trường hợp bỏ phiếu từ xa thì việc kiểm tra các Thẻ biểu quyết này sẽ bao gồm việc kiểm tra tình trạng niêm phong, tính đầy đủ của hồ sơ gửi kèm và được kiểm tra và tổng hợp cùng với các Thẻ biểu quyết được phát trực tiếp tại Đại hội.

- Các tình trạng “đồng ý/tán thành”, “không đồng ý/phản đối”, “ý kiến khác”, phiếu không hợp lệ sẽ được tổng hợp riêng. Tổng kết quả của từng tình trạng sẽ được chia cho tổng số quyền biểu quyết phát ra tại khâu đăng ký để xác định tỷ lệ phần trăm của từng tình trạng.

- Công ty nỗ lực trong việc áp dụng việc kiểm phiếu bằng phần mềm điện tử có áp dụng mã vạch nhận dạng để phòng tránh sai sót.

- Được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm phiếu sẽ có nhân sự giám sát quá trình và kết quả kiểm phiếu. Tất cả thành viên ban kiểm phiếu sẽ ký xác nhận vào kết quả.

6. Thông báo kết quả kiểm phiếu;

- Trưởng ban kiểm phiếu sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu

- Biên bản kiểm phiếu hoặc nghị quyết (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán và trang thông tin điện tử của DRI trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ làm việc, kể từ thời điểm thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

7. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo điều 132-Luật Doanh nghiệp:

- Trong trường hợp Cổ đông phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì Cổ đông đó phải thực hiện bằng hình thức văn bản, ghi rõ họ tên và mã số dự đại hội cổ đông và nội dung, lý do về việc phản đối.

- Văn bản đó sẽ được chuyển đến Thư ký đại hội để ghi nhận.

- Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty.

8. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

- Trường hợp chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của khoản này (từ mục a đến h). Biên bản họp ghi rõ chủ tọa và thư ký từ chối ký biên bản họp.

- Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết và các tài liệu đính kèm phải được công bố trên trang thông tin điện tử của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán và trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu kèm theo phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty, cổng thông tin điện tử của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi được ban hành.

10. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo Điều 22 của Điều lệ sau khi có nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc áp dụng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị sẽ thành lập Ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu tối thiểu bao gồm: chủ tịch Hội đồng quản trị, một thành viên của Ban kiểm soát và một thành viên Ban Thư ký. Trong đó, Chủ tịch Hội đồng quản trị là trưởng Ban kiểm phiếu.

- Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản: Ngoài các quy định phải lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại đại hội theo điều 147-Luật Doanh nghiệp, các trường hợp còn lại phải phải thông qua nghị quyết cổ đông bằng văn bản. Công ty không quy định nội dung không lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong công ty;
- Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác theo yêu cầu của thành viên HĐQT.
- Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin như sau:
 - Thành viên HĐQT gửi yêu cầu cung cấp thông tin gồm nội dung thông tin cần cung cấp, thời hạn gửi thông tin, có thể yêu cầu bằng văn bản hoặc điện thoại;
 - Người tiếp nhận thông tin yêu cầu từ thành viên HĐQT báo cáo cho cấp quản lý trực tiếp để báo cáo cho TGD Công ty;
 - TGD chỉ đạo việc cung cấp thông tin cho thành viên HĐQT;
 - Các thông tin khi gửi cho thành viên HĐQT phải được cấp quản lý trực tiếp kiểm duyệt và báo cáo cho TGD Công ty.

Điều 7. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Các thành viên HĐQT phải thực thi trách nhiệm của mình theo các nội dung quy định tại các điều 48,49,50 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 07 người, nhiệm kỳ của Hội đồng

quản trị là 05 năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;

- Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

- Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp. Ngoài ra, cần có các phẩm chất và năng lực sau đây:

- + Có tư chất lãnh đạo, liêm chính, có trách nhiệm, chín chắn, có đạo đức, và nhận được sự tin tưởng của các cổ đông, các thành viên khác trong HĐQT, các cán bộ quản lý, và nhân viên của Công ty;

- + Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;

- + Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để hoạt động một cách có hiệu quả;

- + Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn;

- + Phán quyết chuẩn xác;

- + Khả năng và ý chí đương đầu với thách thức và tìm tòi cái mới;

- + Kỹ năng giao tiếp tốt.

- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác

2. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;

- Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và điều 25-Điều lệ công ty;

- Đối với cổ đông/nhóm cổ đông: Việc ứng cử đề cử thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế biểu quyết và bầu cử của DRI

- Ứng viên Hội đồng quản trị sẽ gửi bản Sơ yếu lý lịch và văn bản cam kết (*theo hướng dẫn tại Quy chế biểu quyết và bầu cử của DRI*) về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được cung cấp và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

- Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điều lệ Công ty, quy chế biểu quyết và bầu cử sẽ được gửi đến Thư ký HĐQT tại Trụ sở chính công ty.

3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

- Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở

hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Cổ đông có thể phân phối số phiếu cho từng ứng viên tùy theo mức độ tín nhiệm của người bầu đối với ứng cử viên đó nhưng tổng số phiếu bầu ghi cho các ứng viên được chọn không được vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu. Trong trường hợp phân phối đều, Cổ đông không cần điền số phiếu bầu mà chỉ cần lựa chọn các ứng viên theo cách thức quy định tại Quy chế biểu quyết và bầu cử của DRI.

- Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT được phê chuẩn, Đại hội sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trong trường hợp phải lựa chọn trong ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì:

- Ứng viên được bầu là thành viên độc lập HĐQT sẽ được ưu tiên xét trước theo các tiêu chuẩn của thành viên độc lập HĐQT (*có thể không phải là cổ đông, chưa tham gia làm thành viên HĐQT*).
- Nếu ứng viên là Cổ đông thì ứng viên nào nắm giữ nhiều hơn cổ phần sẽ ưu tiên được chọn.
- Nếu ứng viên không là Cổ đông thì ứng viên nào có số nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT lâu hơn sẽ ưu tiên được chọn. Trong trường hợp cùng nhiệm kỳ thì sẽ xét theo số năm đảm nhiệm.

- Trường hợp không có đủ số thành viên HĐQT thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng

4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

4.1 Miễn nhiệm

- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty;

- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

4.2 Bãi nhiệm

- Không tham gia họp HĐQT trong 06 tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng;

- Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công

ty;

4.3 Bầu bổ sung thành viên HĐQT

- a) Khi số thành viên HĐQT giảm quá 1/3 so với số lượng quy định tại Điều lệ Công ty thì HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3, để bầu bổ sung;
- b) Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống không đủ tỷ lệ theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này. ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất.
- d) Nhiệm kỳ của Thành viên HĐQT được bầu bổ sung là thời gian còn lại của nhiệm kỳ tính từ ngày có Nghị quyết là Thành viên HĐQT của ĐHĐCĐ.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Tất cả các trường hợp thay đổi thành viên HĐQT liên quan đến bầu, miễn bãi nhiệm. HĐQT sẽ thực hiện thủ tục báo cáo thay đổi thông tin của người quản lý doanh nghiệp theo pháp luật doanh nghiệp và công bố thông tin theo pháp luật chứng khoán.

6. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.

- Cổ đông, nhóm cổ đông sẽ ứng cử, đề cử ứng viên HĐQT theo đúng tiêu chuẩn, điều kiện được đề cập tại mục 2 điều này. Toàn bộ hồ sơ, thông tin cần thiết được chuyển đến Công ty cho Thư ký Hội đồng quản trị.

- HĐQT sẽ thực hiện việc công bố thông tin về ứng viên theo đúng quy định của pháp luật.

- Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, số lượng ứng viên còn thiếu sẽ do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử.

7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo khoản 1 và 4 điều 29 Điều lệ Công ty;

Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao HĐQT được ĐHĐCĐ phê chuẩn sẽ được phân chia cho các thành viên HĐQT theo nguyên tắc sau:

- + Các thành viên HĐQT có mức thù lao ngang nhau;
- + Chủ tịch HĐQT, phó Chủ tịch HĐQT thêm một khoản thù lao về trách nhiệm và khối lượng công việc liên quan đến công tác điều hành, tổ chức các cuộc họp HĐQT;

+ Các thành viên HĐQT có kiêm nhiệm thêm các nhiệm vụ khác do HĐQT giao thì được hưởng thêm một khoản phụ cấp do HĐQT quyết định;

+ Ngoài các khoản thù lao quy định chung, các thành viên HĐQT được hưởng một khoản thù lao cho việc tham dự các cuộc họp của HĐQT;

+ Các thành viên HĐQT được cử đi đào tạo, tập huấn để bổ sung thêm kiến thức về quản trị, kỹ năng,...theo yêu cầu của UBCKNN, công ty.

- HĐQT phân công 01 thành viên phụ trách về vấn đề lương thưởng xây dựng Tổng quỹ thù lao chung của HĐQT để trình ĐHĐCĐ quyết định và xây dựng bảng hệ số công việc của các thành viên HĐQT để làm cơ sở chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT.

- Các khoản thù lao của HĐQT được hạch toán vào chi phí của Công ty;

Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị:

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

- Đề nghị họp HĐQT bất thường phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Thông báo họp Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp, trường hợp đột xuất thì phải báo trước ít nhất 24h. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên (nếu có).

- Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

- Các vấn đề phải được HĐQT thảo luận và quyết định quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty.

- Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp hoặc 1 phần nội dung chương trình họp bằng cách gửi thư điện tử hoặc văn bản sòng đến Hội đồng quản trị.

3. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

- Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp.

- Trừ khi có sự thỏa thuận khác, trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp

- Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 30 của Điều lệ Công ty;

- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

- Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

4. Cách thức biểu quyết;

- Ngoài quy định tại khoản 9 Điều 30 của Điều lệ, thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

- Trong các cuộc họp trực tiếp, qua điện thoại, các thành viên HĐQT sẽ biểu quyết đồng ý bằng miệng hoặc giơ tay đối với mỗi vấn đề sau khi được Chủ tọa nêu vấn đề và kết thúc phần thảo luận. Các tình trạng biểu quyết có thể là đồng ý, phản

đối, không có ý kiến.

5. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành (>50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp

- Việc ủy quyền cho người khác tham dự họp HĐQT và biểu quyết chỉ có hiệu lực khi được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

6. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;

- Thư ký HĐQT sẽ thực hiện ghi biên bản diễn tiến cuộc họp HĐQT một cách đầy đủ, chi tiết, rõ ràng. Thư ký HĐQT có thể ghi âm cuộc họp để đảm bảo tính chính xác cuộc

- Biên bản cuộc họp chính thức sẽ được hoàn thành trong vòng bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa, người ghi biên bản và chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp.

- Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của HĐQT tham dự ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 điều 158 Luật Doanh nghiệp thì Biên bản này có hiệu lực.

- Biên bản họp HĐQT sẽ được lưu trữ với thời hạn 10 năm.

7. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Căn cứ vào các nội dung, quyết định được thông qua của cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản, nghị quyết của HĐQT.

- Các nghị quyết này sẽ được thông tin đến tất cả các thành viên HĐQT.

- Các nội dung nghị quyết thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 11. Người phụ trách quản trị Công ty (áp dụng với Công ty niêm yết)

Khi cần thiết, HĐQT Công ty bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, để giúp HĐQT thực hiện các nhiệm vụ về quản trị Công ty.

Các quy định về tiêu chuẩn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, quyền và nghĩa vụ của người quản trị Công ty quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

- Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều 39 Điều lệ Công ty.
- Trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định tại các điều 48,49,50 Điều lệ Công ty

Điều 13. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.

1. Cơ cấu, thành phần Ban kiểm soát:

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại, nhưng không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tiếp.
- Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

2. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự như ứng cử, đề cử thành viên HĐQT được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 25 Điều lệ công ty.
- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

- Việc bầu thành viên BKS được thực hiện theo phương thức tương tự như bầu thành viên HĐQT,

- Trường hợp không có đủ số thành viên BKS thì Đại hội sẽ tiến hành bầu lại cho đến khi đủ số lượng
4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát
- Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:*
- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 điều 37 Điều lệ Công ty;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:*
- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát
- Tất cả các trường hợp thay đổi thành viên BKS liên quan đến bầu, miễn, bãi nhiệm, sẽ thực hiện thủ tục báo cáo thay đổi thông tin của người quản lý doanh nghiệp theo pháp luật doanh nghiệp và công bố thông tin theo pháp luật chứng khoán.
6. Tiền lương và quyền lợi khác của Ban kiểm soát: thực hiện theo quy định tại điều 41 Điều lệ Công ty

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 14. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;

- Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty và thực hiện các nhiệm vụ khi được Người đại diện theo pháp luật Công ty ủy quyền; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao;
- Trách nhiệm của TGD quy định tại điều 48,49,50 Điều lệ Công ty;
- Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc quy định tại khoản 4 điều 35 Điều

lệ Công ty;

Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của TGD

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
- Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
- Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Tổng giám đốc
 - a) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Doanh nghiệp theo quy định của khoản 2 điều 7 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
 - c) Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản lý, điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác trừ trường hợp được HĐQT Công ty cử tham gia quản lý tại các Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty;
 - d) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng trong quản lý doanh nghiệp cụ thể như sau:
 - Tối thiểu tốt nghiệp Đại học, có trình độ chuyên môn và các kỹ năng tổ chức phù hợp, khả năng gắn kết lợi ích của tất cả các bên liên quan và đưa ra các quyết định hợp lý;
 - Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý Doanh nghiệp, có hiểu biết pháp luật;
 - Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Có đức tính trung thực, nhiệt tình và có uy tín;

2. Ký HĐLĐ với TGD

- Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay mặt HĐQT ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám Đốc
- Trường hợp Thành viên HĐQT được phân công làm TGD thì Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký quyết định bổ nhiệm.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt HĐLĐ với TGD

- Miễn nhiệm:

- Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công Ty;
- Hết hợp đồng lao động;
- Nghỉ hưu và không có nhu cầu gia hạn/tái ký hợp đồng;
- Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác.

- Bãi nhiệm:

- Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công Ty;
- Vi phạm Pháp Luật đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

- Hội đồng quản trị tổ chức họp để biểu quyết thông qua việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.

- Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm sẽ được thể hiện bằng văn bản nghị quyết Hội đồng quản trị.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với TGD

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật về công bố thông tin.

5. Tiền lương và các lợi ích khác của TGD.

Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và được thể hiện trong hợp đồng lao động, quyết định bổ nhiệm TGD.

CHƯƠNG VI

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;

- Tổng Giám đốc là thành viên HĐQT; thủ tục và trình tự mời họp đã được đề cập trong phần triệu tập họp HĐQT.
- Nội dung họp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, Ban kiểm soát được tích hợp trong chương trình họp HĐQT.

- Thủ tục và trình tự mời họp Ban kiểm soát thực hiện tương tự như triệu tập họp HĐQT.
- Các tài liệu liên quan đến họp HĐQT, các nghị quyết, quyết định của HĐQT được gửi cho các thành viên HĐQT thì cũng đồng thời gửi cho Ban kiểm soát và TGD theo cùng phương thức, thời điểm.
- Tổng giám đốc không phải là thành viên HĐQT, Ban kiểm soát tham dự họp có quyền phát biểu ý kiến, chất vấn, đưa ra các khuyến nghị để HĐQT xem xét quyết định nhưng không tham gia biểu quyết.
- Việc ghi biên bản sẽ do thư ký HĐQT thực hiện có chữ ký của các bên tham gia.

2. Triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT:

- Tổng giám đốc có trách nhiệm triển khai các nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ
- Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ hoặc một vụ việc thuộc phạm vi quản lý khủng hoảng ... nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho HĐQT trong thời gian sớm nhất có thể và chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ gần nhất về các quyết định đó.
- Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của HĐQT nếu nhận định rằng quyết định này trái pháp luật hoặc gây tổn hại đến quyền lợi của cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với HĐQT và Ban kiểm soát bằng văn bản.
- Khi thực hiện các nhiệm vụ cần phải có sự phê duyệt của HĐQT, Tổng Giám đốc gửi tờ trình đến HĐQT trước bảy (7) ngày.

3. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

- Xung đột quyền, nghĩa vụ giữa HĐQT và Tổng Giám đốc;
- Khủng hoảng và việc xử lý khủng hoảng vượt quá thẩm quyền của Tổng Giám đốc;
- Các giao dịch mà Tổng Giám đốc là một bên liên quan;
- Các phát sinh trọng yếu trong quá trình thực hiện các Nghị quyết của HĐQT;
- Các nội dung vượt thẩm quyền theo ủy quyền của HĐQT đối với Tổng Giám đốc.

4. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

- Các nội dung Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực

hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao luôn được tích hợp thành 1 mục trong chương trình họp HĐQT.

- Các nội dung báo cáo bao gồm các nội dung:
 - + Đánh giá kết quả thực hiện trong kỳ và phương hướng cho kỳ tiếp theo;
 - + Việc triển khai chiến lược kinh doanh, chiến lược phát triển bền vững của Công ty;
 - + Việc thực hiện các chỉ tiêu của ĐHCĐ, HĐQT;
 - + Tình hình tài chính của Công ty ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, những dự báo và đề xuất;
 - + Sự tuân thủ của Bộ máy quản lý đối với luật pháp và các thủ tục nội bộ của Công ty;
 - + Thành tích đạt được và những tồn tại, khuyết điểm;
 - + Công tác tổ chức cán bộ và bộ máy thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - + Những chủ trương và chỉ tiêu giao cho người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác có vốn góp của DRI trên 50% vốn điều lệ, được quy định tại Quy chế hoạt động của người đại diện theo ủy quyền đối với phần vốn góp của Công ty DRI vào doanh nghiệp khác.

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc;

Các nội dung giám sát việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc luôn được tích hợp thành 1 mục trong chương trình họp HĐQT.

6. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Tổng giám đốc sẽ cung cấp thông tin bằng cách thức phù hợp khi:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát yêu cầu cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo đúng quy định của pháp luật.
- Các nội dung yêu cầu trên được TGD trả lời bằng văn bản và gửi cho HĐQT, Ban KS theo phương thức và thời gian đã được yêu cầu ở trên.
- Đối với các thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, bí quyết công nghệ, khách hàng,...những thông tin mà TGD cho rằng nếu cung cấp có thể ảnh hưởng đến lợi ích công ty,...khi cung cấp cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát phải có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể

của các thành viên nêu trên.

- Thành viên Hội đồng quản trị phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát Tổng giám đốc theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc;
- Thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi ngay với TGD tại các cuộc họp HĐQT về những nội dung cần làm rõ, cần chất vấn,....
- Thành viên Hội đồng quản trị có thể phối hợp với các người điều hành doanh nghiệp khác sau khi tham khảo với Tổng Giám Đốc về chủ đề, thời gian và nội dung làm việc với người điều hành doanh nghiệp khác.
- Đối với việc HĐQT ủy quyền cho người quản lý khác thực thi nhiệm vụ của mình thì nội dung ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản, được đa số chữ ký của các thành viên HĐQT chấp thuận và gửi bản chính đến Tổng Giám đốc và thông tin đến Người Phụ Trách Quản Trị/Thư ký Công ty và đáp ứng các yêu cầu khác của pháp luật về ủy quyền;
- Các vấn đề mà HĐQT phải phê duyệt theo đề xuất của Tổng Giám Đốc thì HĐQT phải phản hồi trong vòng bảy (7) ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.
- Các nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc Giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn bảy (7) ngày.
- Đối với các hợp đồng, giao dịch mà phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó thì Người đại diện Công ty ký phải báo cáo và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch cho HĐQT, Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 17. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác

1. Đánh giá, nhận xét hoạt động

a) Hội đồng Quản trị.

HĐQT thực hiện đánh giá HĐQT kết hợp với đánh giá từng thành viên HĐQT. Việc đánh giá được thực hiện 1 lần/năm.

- Đánh giá hoạt động HĐQT: dựa trên các tiêu chí đánh giá như sau:
 - Kết quả doanh thu, lợi nhuận và các chỉ số phi tài chính khác;
 - Thành phần HĐQT theo quy định của pháp luật;

- Số cuộc họp của HĐQT và các nội dung được đề ra trong từng cuộc họp;
 - Số lượng các trường hợp về xung đột lợi ích có xảy ra;
 - Việc tuân thủ quy định về bảo mật thông tin;
 - HĐQT tham gia các chương trình đào tạo về quản lý;
 - Xây dựng chính sách thù lao cho HĐQT;
 - Các chính sách mới được phát triển và ban hành.
- Việc đánh giá được thực hiện thông qua việc tổ chức một cuộc họp đặc biệt của HĐQT để đánh giá công tác của HĐQT hoặc dành thời gian trong một cuộc họp thường kỳ để thực hiện việc đánh giá. Có thể sử dụng bảng câu hỏi để làm tiêu chí đánh giá. Hồ sơ đánh giá sẽ được lưu trữ tại Công ty theo chế độ lưu trữ thông tin bảo mật.
- Việc đánh giá hoạt động thành viên HĐQT được thực hiện thông qua:
- + Tự đánh giá bởi bản thân thành viên HĐQT, và
 - + Đánh giá kín lẫn nhau giữa các thành viên HĐQT.
- Căn cứ vào kết quả đánh giá định kỳ về HĐQT và các thành viên của HĐQT được quy định tại Điều này, các chương trình tập huấn, đào tạo sẽ được tổ chức hoặc cung cấp để phát triển kiến thức và kỹ năng của thành viên HĐQT. Các chương trình đào tạo này sẽ cung cấp cho các thành viên HĐQT các nội dung:
- + Những kỹ năng mới và nâng cao tính chuyên nghiệp, đồng thời nhận thức rõ hơn các vấn đề liên quan đến quản lý và phát triển doanh nghiệp;
 - + Tiếp cận, cập nhật kiến thức về Quản trị công ty và các vấn đề khác;
 - + Nâng cao nhận thức về các vấn đề đạo đức và giá trị nền tảng của việc quản trị công ty hiệu quả;
 - + Các khóa học có liên quan giúp thành viên HĐQT hoàn thành các nhiệm vụ và trách nhiệm của mình.
- Các thành viên HĐQT sẽ tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận và các tổ chức uy tín khác.

b) Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát thực hiện đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát kết hợp với đánh giá từng thành viên Ban kiểm soát. Việc đánh giá được thực hiện 1 lần/năm.

- Đánh giá hoạt động Ban kiểm soát: dựa trên các tiêu chí đánh giá như sau:
- Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT, TGD;
 - Số cuộc họp của BKS và các nội dung được đề ra trong từng cuộc họp;

- Số lượng các trường hợp về xung đột lợi ích có xảy ra mà BKS đã cảnh báo;
- Việc tuân thủ quy định về bảo mật thông tin;
- Ban kiểm soát tham gia các chương trình đào tạo về quản lý;
- Ban kiểm soát có còn đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty.

- Việc đánh giá được thực hiện thông qua việc tổ chức một cuộc họp đặc biệt của BKS để đánh giá công tác của BKS hoặc dành thời gian trong một cuộc họp thường kỳ để thực hiện việc đánh giá. Hồ sơ đánh giá sẽ được lưu trữ tại Công ty theo chế độ lưu trữ thông tin bảo mật.

- Việc đánh giá hoạt động thành viên BKS được thực hiện thông qua:

+ Tự đánh giá bởi bản thân thành viên BKS, và

+ Đánh giá kín lẫn nhau giữa các thành viên BKS.

+ Đối với trường Ban kiểm soát cần đánh giá thêm khả năng điều phối công việc. Trường ban kiểm soát chỉ có quyền điều phối công việc, không có quyền điều phối các thành viên của BKS.

- Thông qua việc đánh giá BKS có thể được cử đi đào tạo, tập huấn các khóa học ngắn hạn để nâng cao kiến thức, kỹ năng để phục vụ cho công việc

c) Tổng Giám đốc và các Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác, có vốn góp của DRI trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

- HĐQT đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc và giao cho TGD đánh giá hoạt động của Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác, trừ trường hợp thành viên HĐQT kiêm nhiệm Tổng giám đốc hoặc kiêm nhiệm Người đại diện vốn tại doanh nghiệp khác.

- Việc đánh giá Tổng Giám đốc dựa trên các tiêu chí sau:

+ Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh, được đánh giá qua kết quả việc thực hiện (i) các mục tiêu chung của Công ty và (ii) Các mục tiêu về tài chính, khách hàng; (iii) việc thực hiện Điều lệ, nội quy, quy chế, quy định, quy trình do Công ty ban hành ... và được đánh giá một cách phù hợp cho từng vị trí.

+ Bồn phận chung; (tiêu chí cần trọng và tránh xung đột lợi ích), được thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty gồm: (i) Trách nhiệm “Cần trọng”; (ii) Trách nhiệm “Trung thực và tránh xung đột lợi ích”; (iii) Trách nhiệm “Bảo mật thông tin”.

+ Năng lực và kỹ năng, được đánh giá trên các khía cạnh sau: (i) Chất lượng lãnh đạo và chất lượng quản lý; (ii) Kiến thức và kỹ năng; (iii) Mối quan hệ phối hợp; (iv) Mối quan hệ với nhân viên.

- Việc đánh giá Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác: Thực

hiện theo trách nhiệm của người đại diện được quy định tại Quy chế cử người đại diện vốn của DRI tại doanh nghiệp khác. Giao cho Tổng giám đốc xây dựng tiêu chí, phương pháp đánh giá, thực hiện đánh giá, nhận xét và báo cáo đề xuất với HĐQT đối với các trường hợp không phải là thành viên HĐQT hoặc Tổng giám đốc Công ty kiêm nhiệm.

d) Phương pháp nhận xét, đánh giá :

- Việc đánh giá này được thực hiện theo 2 giai đoạn: cá nhân tự đánh giá và cấp quản lý trực tiếp đánh giá.

- Mức độ đánh giá theo 4 mức:

 - * Không hoàn thành nhiệm vụ;

 - * Hoàn thành nhiệm vụ;

 - * Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

 - * Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Việc phân loại, đánh giá của tập thể HĐQT và từng cá nhân được HĐQT bỏ phiếu kín để phân loại.

2. Khen thưởng

- Hình thức khen thưởng:

 - + Bằng tiền;

 - + Bằng hình thức phi vật chất khác.

- Đối với đối tượng là thành viên HĐQT: HĐQT quyết định trong phạm vi Quỹ khen thưởng được ĐHCĐ phê chuẩn.

- Đối với đối tượng là điều hành, nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác, hoặc sẽ được tính vào chi phí trước thuế theo các quy định pháp luật có liên quan. Mức khen thưởng: căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm.

3. Kỷ luật

- HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Người đại diện phần vốn của DRI tại các doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của hệ thống kỷ

luật và quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk bao gồm 7 chương 18 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2021 và được sửa đổi bổ sung khi có sự thay đổi của pháp luật có liên quan, hoặc khi không còn phù hợp với thực tiễn. Việc sửa đổi bổ sung phải được HĐQT trình ra cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thông qua mới có hiệu lực.

Những nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo Điều lệ của Công ty và những quy định của pháp luật có liên quan.

Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty và người quản lý khác của Công ty, Người đại diện phần vốn của DRI tại doanh nghiệp khác, căn cứ vào Quy chế này để thực hiện.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN VIỆT TƯỢNG

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ - CT ngày 15 tháng 04 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 07 thành viên, trong đó có tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành, được quy định tại Khoản 1 và 3, Điều 26, Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác, nhưng không được làm thành viên HĐQT của quá 05 công ty;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần

có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành

vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký HĐQT/ thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại

Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 27, Điều lệ công ty và quy định của pháp luật. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng;

e. Quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 133 Luật Doanh nghiệp. Đối với cổ phần loại khác, nếu điều lệ công ty không quy định hoặc Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua không được thấp hơn giá thị trường;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn **30%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; đồng thời giao các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư; chủ trương về nhân sự quản lý cho người đại diện vốn của DRI tại công ty có vốn góp của DRI trên 50% vốn điều lệ của công ty đó, để thực hiện các quyền biểu quyết, quyết định;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 30% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 30% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch nêu tại khoản 1, điều này và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp và khoản 3, điều 18, Điều lệ Công ty;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên

của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03 ngày) làm việc trước ngày họp, trường hợp đột xuất thì phải thông báo trước 24 giờ. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;

- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính;
 - c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là **30 ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm

soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10 ngày) trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh

nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk bao gồm 07 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2021 *shuel*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN VIỆT TƯỜNG

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số: 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần đầu tư Cao su Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-CT ngày 15 tháng 4 năm 2021,

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư Cao su Đắk Lắk, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư Cao su Đắk Lắk bao gồm các nội dung sau :

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của BKS chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên hoạt động bán chuyên trách, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại nhưng **không quá 02 nhiệm kỳ** liên tục.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải là người cư trú ở Việt nam .
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp (Tổ chức và cá nhân thuộc đối tượng giới hạn không được phép thành lập doanh nghiệp);

b) Tốt nghiệp đại học, được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty; Có kinh nghiệm thực tiễn ít nhất 3 năm làm việc trở lên.

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có ***quan hệ gia đình*** của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Có kinh nghiệm thực tiễn trên 5 năm làm việc.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định (khoản 2 điều 47- điều lệ Công ty).

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 điều 103 Luật Doanh nghiệp và điều 3 của bản quy chế này.

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác phù hợp theo quy định của pháp luật chưa nêu tại điều 103 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III
BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và theo khoản 4 điều 20 Điều lệ Công ty.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuối cùng của thời hạn HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. Được hưởng quyền lợi tham quan du lịch từ phúc lợi Công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát. Thành viên BKS có quyền bảo lưu ý kiến của mình về các nội dung chưa đồng nhất trong kết luận kiểm soát.

Điều 20. Mỗi quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mỗi quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Quá trình kiểm tra kiểm soát có sự phối hợp để triển khai công tác kiểm soát không ảnh hưởng đến việc quản lý và SXKD. Khi phát hiện các sai sót không trọng yếu thì tiến hành trao đổi với chuyên môn để khắc phục cũng như đề xuất các cải tiến (nếu có).

Điều 21. Mỗi quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mỗi quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Trao đổi báo cáo khi phát hiện những bất cập làm thất thoát tài sản hoặc ảnh hưởng đến uy tín, kết quả SXKD của Công ty để HĐQT chỉ đạo giải quyết. Tham vấn góp ý kiến vào các chủ trương SXKD đầu tư để đạt hiệu quả tốt trong quản lý điều hành.


Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đầu tư cao su Đắk Lắk bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**


Nguyễn Oanh Hoàn

TỜ TRÌNH

***V/v Đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao Dịch Chứng khoán
TP Hồ Chí Minh (HOSE) hoặc Sở giao dịch chứng khoán Hà nội (HNX)***

Kính gửi : Quý cổ đông Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 202/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2015 hướng dẫn niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 29/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202/2015/TT-BTC về hướng dẫn niêm yết chứng khoán trên sở giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;
- Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 03 năm 2021;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông nội dung sau:

1. HĐQT kính đề nghị cổ đông thông qua chủ trương tiếp tục đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh hoặc Sở giao dịch chứng khoán Hà nội năm 2021-2022 khi đủ điều kiện.
2. Thông qua việc ủy quyền và giao cho HĐQT:
 - (i) Chủ động chuẩn bị, hoàn tất hồ sơ, thủ tục cần thiết liên quan đến việc niêm yết cổ phiếu trên HOSE hoặc HNX;
 - (ii) Chủ động niêm yết cổ phiếu của Công ty trên HOSE hoặc HNX khi đủ điều kiện;
 - (iii) Được toàn quyền quyết định và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan để thủ tục, hồ sơ, trình tự đăng ký niêm yết cổ phiếu tại HOSE hoặc HNX, bao gồm cả việc quyết định và xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) trong quá trình thực hiện;

(iv) Báo cáo ĐHĐCĐ tiến độ, kết quả việc đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty cho đến khi hoàn thành.

Kính trình Quý cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận: *Thael*
- ĐHĐCĐ TN 2021;
- Lưu: VT, HĐQT, BKS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Việt Lượng

Số: 05./TTr-CT

Buôn Ma Thuột, ngày 22 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính Năm 2021

Kính thưa Quý Cổ đông,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 thông qua ngày 29/06/2006;

Căn cứ công bố Danh sách các Công ty Kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán các Tổ chức pshát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 03 năm 2021;

Hội đồng quản trị xét thấy các Công ty kiểm toán sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn A&C;
2. Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam.

Có đủ năng lực và kinh nghiệm để kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty; Các Công ty này cũng đã từng kiểm toán Công ty những năm trước đây nên hiểu về đặc thù ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT và Ban kiểm soát lựa chọn 01 trong các Công ty kiểm toán nói trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 của Công ty.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- TV HĐQT; BKS;
- Lưu VT



Nguyễn Việt Tường

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
CAO SU ĐẮK LẮK
DRI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06.../TTTr-CT

Buôn Ma Thuột, ngày 22 tháng 3 năm 2021

**TỜ TRÌNH
V/v Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2021**

Kính thưa Quý Cổ đông,

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động TB&XH, Hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 03 năm 2021;

Hội đồng quản trị báo cáo ĐHĐCĐ về thực hiện chi phí thù lao của HĐQT, BKS năm 2020 và phương hướng 2021 như sau:

1- Kết quả thực hiện năm 2020 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020:

- | | |
|----------------------------------|---------------------|
| - Tổng quỹ thù lao theo kế hoạch | : 482,3 triệu đồng; |
| - Thực tế chi trả | : 482,3 triệu đồng; |
| - %TH/KH | : 100% |

Mức thù lao trên được áp dụng cho người quản lý không chuyên trách (TV HĐQT không điều hành (05 người) và thành viên BKS (03 người));

2- Dự kiến thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2021:

Năm 2021 theo thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động TB&XH, thù lao chi trả cho người quản lý không chuyên trách (TV HĐQT không điều hành và thành viên BKS) được xác định bằng 20% mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách, thì tổng quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách là 482,3 triệu đồng tương đương mức kế hoạch và thực hiện của năm 2020. Thù lao này được tính vào chi phí sản xuất năm 2021.

Kính trình ĐHĐCĐ!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2021;
- TV HĐQT; BKS; Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Lương

Số: 07./TTr-CT

Buôn Ma Thuột, ngày 22 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH
V/v Phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ năm 2020

Kính thưa Quý cổ đông,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc;
- Căn cứ Báo cáo Tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC;
- Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT ngày 22 tháng 03 năm 2021;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắc Lắc, cụ thể như sau:

TT	Nội dung	%/LNHN	Tiền(VNĐ)	Ghi chú
1	Lợi nhuận 2019 chuyển sang		(933,918,920)	Đ/chính thuế
2	Lợi nhuận tại Công ty TNHH NN CNC DRI giữ lại không chia		(459,763,444)	
3	Lợi nhuận 2020 sau thuế hợp nhất		24,277,183,756	
4	Lợi nhuận sau thuế chưa PP 31/12/2020		22,883,501,392	
4.1	Chi cổ tức 2,7%/VDL		19,764,000,000	
4.2	Quỹ Thi đua khen thưởng phúc lợi	10%(LNST)	2,357,884,776	Không trích quỹ tại CNC DRI
4.3	Trích quỹ thù lao HĐQT&BKS năm 2020		482,303,001	
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại chưa phân phối		279,313.615	

(Số liệu theo BCTC hợp nhất 2020)

Mức cổ tức đề nghị giảm từ 3% xuống còn 2,7% do lợi nhuận của Cty không như kỳ vọng

- Tạm ứng cổ tức 2020 : 0%
- Cổ tức còn lại : 2,7% tương đương 270 VNĐ/cổ phiếu
- Thời gian chi cổ tức : Dự kiến từ 15/7/2021-15/8/2021

Kính trình Đại hội xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ TN 2021;
- HĐQT; BKS; Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Tường

Số: 08/TTTr-CT

Buôn Ma Thuột, ngày 22 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua phương án thanh lý trồng tái canh vườn cao su
kém hiệu quả tại Daklaoruco.

Kính thưa quý cổ đông,

Thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-HĐQT, ngày 22 tháng 03 năm 2021, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án thanh lý vườn cao su kém hiệu quả tại Daklaoruco, để trồng tái canh như sau (có Phương án chi tiết kèm theo):

I. Căn cứ và mục tiêu phương án:

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật khuyến khích đầu tư nước ngoài tại Lào (số 14/QH ngày 17/11/2016) do Quốc hội nước CHDCND Lào ban hành.

- Hợp đồng tô nhượng đất của Nhà nước để trồng cây cao su và cây công nghiệp tại Tỉnh Champasak và tỉnh Salavan ngày 31/8/2009 giữa Cơ quan quản lý đất đai quốc gia (Nước CHDCND Lào) và Công ty TNHH cao su Đaklak

- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Lý do thanh lý vườn cây:

- Thanh lý vườn cao su kém hiệu quả do gãy đổ từ năm 2015, mật độ cây cao thấp, bị bệnh khô miệng cạo làm năng suất thấp cần phải thanh lý. Diện tích chưa đưa vào lộ trình thanh lý này sẽ làm việc lại để Nhà nước Lào cho gia hạn hợp đồng tô nhượng hoặc chuyển sang cây trồng khác cho đủ thời gian tô nhượng.

- Thời gian thuê đất 50 năm, do vậy sẽ không đảm bảo hoạt động 2 chu kỳ cây cao su, nên diện tích cao su kém hiệu quả phải chuyển sang tái canh cho trọn chu kỳ 2.

3. Mục tiêu:

- Nhằm đảm bảo thời gian hoạt động được 2 chu kỳ vườn cây cao su theo Giấy phép đầu tư nước ngoài số 111-04/UBH của Ủy Ban Kế Hoạch và Đầu Tư nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào, cấp ngày 06 tháng 12 năm 2004.

- Diện tích vườn cây trồng tập trung vào các năm 2005 đến 2008 lớn, trong đó có một số vườn mật độ cây cạo thấp, do gãy đổ và bị khô miệng cạo, năng suất bắt đầu đi xuống, để không bị ảnh hưởng đột biến đến doanh thu, lợi nhuận, dòng tiền hoạt động. Công ty cần có lộ trình thanh lý vườn cây phù hợp để đảm bảo hoạt động. Vườn cây tái canh phải đủ một chu kỳ kinh doanh theo Hợp đồng tô nhượng, đảm bảo tính bền vững.

- Thay đổi cơ cấu giống cây trồng đảm bảo hiệu quả hơn, phù hợp với tình hình khí hậu, thổ nhưỡng, điều kiện tại khu vực Công ty đang sản xuất ở Champasak và Salavan - Lào.



II. Nội dung phương án:

1. Diện tích vườn cây cao su hiện có: 8.810,5 ha; trong đó:

- Cao su kinh doanh: 8.632,14 ha (có 304,75 ha thuê của bản 26 - Huyện Pathoumphone không trồng tái canh theo hợp đồng thuê đất) và cao su KTCB 178,36 ha.

- Diện tích vườn cây dự kiến trồng tái canh: **3.971,36 ha**; trong đó gây đổ từ năm 2016, chưa có điều kiện trồng lại là 297,42 ha và vườn cây kém hiệu quả là: 3.673,94 ha.

2. Thời gian thực hiện:

- Thời gian tái canh chính là 5 năm bắt đầu từ năm 2025 đến 2029; riêng 297,42 ha gây đổ sẽ thanh lý trồng lại năm 2023, 2024. Diện tích tái canh bình quân là 734,78 ha/năm. Diện tích năm thấp nhất là 464,85 ha (năm 2025) và cao nhất 1.008,2 ha (năm 2028).

3. Nhu cầu và nguồn vốn đầu tư:

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư: 660,95 tỷ đồng (trong đó: đầu tư nông nghiệp 567,13 tỷ; đầu tư XDCB 59,85 tỷ; dự phòng khác: 33,97 tỷ đồng). Tỷ giá 1LAK=2.5 VND

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay ngân hàng 165,24 tỷ đồng (25%); nguồn vốn khấu hao dùng để tái đầu tư là 429,62 tỷ đồng (65%); Từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển của Công ty là 10%: 66,09 tỷ đồng.

4. Dự kiến kết quả kinh doanh:

- Tổng sản lượng khai thác bình quân năm đến 2054 là: 13.646 tấn mủ/năm; trong đó năm thấp nhất là 8.858,04 tấn (năm 2033) và năm cao nhất là 17.368,46 tấn (năm 2023).

- Giá thành bình quân đến 2054 là: 27,81 triệu đồng/tấn; trong đó năm thấp nhất là 24,92 triệu đồng/tấn (năm 2054) và năm cao nhất là 32,96 triệu đồng/tấn (năm 2029).

- Chi phí khấu hao bình quân: 4,2 triệu đồng/tấn; trong đó khấu hao vườn cây là 3,48 triệu đồng/tấn và khấu hao tài sản khác vườn cây là 0,72 triệu đồng/tấn. Chi phí khấu hao vườn cây thay đổi từ 25 năm xuống còn 18 năm làm giá thành tăng thêm bình quân 0,54 triệu đồng/tấn.

- Kết quả lợi nhuận sau thuế bình quân hàng năm là 55,189 tỷ đồng với giá bán dự kiến toàn chu kỳ là 1.400 USD/tấn.

- Giá trị hiện tại ròng của dự án (NPV) là 265,3 tỷ đồng. Dự án đầu tư khả thi.

III. Kiến nghị:

Với nội dung của Phương án nêu trên, HĐQT đề nghị ĐHĐCĐ thống nhất một số nội dung sau để HĐQT và Ban Điều hành tổ chức thực hiện trong thời gian tới như sau:

1- Thông qua lộ trình thanh lý vườn cây cao su tái canh từ năm 2025 đến 2029 với diện tích 3.673,94 ha (không tính 297,42 ha trồng lại năm 2023, 2024 do gây đổ từ năm 2016).

2- Thông qua chủ trương nguồn vốn đầu tư: vay dài hạn chiếm 25%, khấu hao giữ lại tái đầu tư là 65% và từ Quỹ đầu tư phát triển của Công ty là 10% tổng mức đầu tư dự án.

3- Thay đổi thời gian khấu hao vườn cây cao su kinh doanh từ 25 năm xuống còn 18 năm.

Trên đây là Tờ trình của HĐQT Công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BKS
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Lương



Buôn Ma Thuột, ngày 22 tháng 03 năm 2021

**PHƯƠNG ÁN
THANH LÝ TÁI CANH VƯỜN CÂY CAO SU KÉM HIỆU QUẢ
TẠI DAKLAORUCO**

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. SƠ LƯỢC VỀ PHƯƠNG ÁN:

1. Tên phương án:

“Phương án thanh lý tái canh vườn cây cao su kém hiệu quả tại Daklaoruco”.

- Tên tổ chức: Công ty TNHH cao su Dak Lak.

- Địa chỉ: Bản Tha Luống, Thành phố Paksé, tỉnh Champasak, CHDCND Lào.

2. Tình hình quản lý diện tích cao su tại Daklaoruco:

Công ty TNHH cao su Daklak đang quản lý và khai thác 8.810,5 ha cao su, được trồng tập trung chủ yếu từ năm 2005 đến năm 2008. Đến đầu năm 2021, diện tích vườn cao su của công ty cụ thể như sau:

* Cao su KTCB:	178.36 ha.
- Cao su KTCB 3:	95.86 ha.
- Cao su KTCB 4:	50.93 ha.
- Cao su tăng năm 2:	31.57 ha.
* Cao su kinh doanh :	8 632.14 ha.
- Cao su KD 1:	200.74 ha.
- Cao su KD 2:	90.16 ha.
- Cao su KD 3:	56.05 ha.
- Cao su KD 4:	600.30 ha.
- Cao su KD 5:	158.96 ha.
- Cao su KD 6:	321.98 ha.
- Cao su KD 7:	1 120.42 ha.
- Cao su KD 8:	1 363.08 ha.
- Cao su KD 9:	860.68 ha.
- Cao su KD 10:	2 790.37 ha.
- Cao su KD 11:	1 069.41 ha.
Tổng cộng:	8 810.50 ha.

Diện tích cao su từ KD 7 đến KD 11 là: 7.200 ha, chiếm 81,75% tổng diện tích cao su của công ty, trong đó có một số diện tích bắt đầu năng suất đi xuống, do ảnh hưởng bởi gió bão, bị bệnh khô miệng cao, mật độ cây khai thác thấp.... Do đó nếu để hết thời gian khai thác 25 năm, sẽ không hiệu quả, mặt khác thời gian thuê đất chỉ được 50 năm (đến năm 2054 hết thời gian tô nhượng), nếu để khai thác theo chu kỳ thì việc đầu tư chu kỳ thứ 2 sẽ không trọn chu kỳ. Vì vậy, phải chọn những lô cao su bắt đầu có dấu hiệu cho năng suất thấp để tái canh dần. Nhằm đảm bảo tính hoạt động liên tục, hiệu quả, việc thiết lập trước lộ trình thanh lý và trồng tái canh vườn cây cao su là cần thiết.

3. Quy mô phương án:

- Tổng diện tích kém hiệu quả dự kiến đưa vào phương án: 3.971,36 ha.
- Thời gian thực hiện tái canh: 7 năm bắt đầu từ 2023 đến hết năm 2029 (thực chất năm 2023 và 2024 trồng lại những lô bị gãy đổ từ năm 2016, chưa có điều kiện trồng lại là 297,42 ha, còn lại chính thức lộ trình trồng tái canh là từ 2025-2030).
- Tổng mức đầu tư dự kiến: Tổng vốn đầu tư trồng mới và chăm sóc (7 năm): **264.380.455.000 KIP** (*Đầu tư nông nghiệp và lãi vay đầu tư: 226.851.530.000 kip; XD CB: 23.939.380.000 kip; dự phòng 5%: 13.589.545.000 kip*).

4. Mục tiêu phương án:

- Nhằm đảm bảo thời gian hoạt động được 2 chu kỳ vườn cây cao su theo Giấy phép đầu tư nước ngoài số 111-04/UBH của Ủy Ban Kế Hoạch và Đầu Tư nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào, cấp ngày 06 tháng 12 năm 2004.
- Diện tích vườn cây trồng tập trung vào các năm 2005 đến 2008 lớn, trong đó hơn một nửa diện tích năng suất bắt đầu đi xuống, để không bị ảnh hưởng đột biến đến doanh thu, lợi nhuận, dòng tiền hoạt động. Công ty cần có lộ trình thanh lý vườn cây phù hợp để đảm bảo hoạt động.
- Diện tích vườn cây thực hiện tái canh là những vườn bị gãy đổ rải rác từ năm 2015 đến nay, mật độ cây khai thác trên ha thấp và những lô mật độ cây khô miệng cao...
- Khi trồng tái canh, tiến hành thay đổi cơ cấu giống cây cao su, đảm bảo hiệu quả hơn, phù hợp với tình hình khí hậu, thổ nhưỡng, điều kiện tại khu vực Công ty đang canh tác ở Champasak và Salavan - Lào.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA PHƯƠNG ÁN:

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật khuyến khích đầu tư nước ngoài tại Lào (số 14/QH ngày 17/11/2016) do Quốc hội nước CHDCND Lào ban hành.
- Biên bản ghi nhớ về việc phát triển dự án trồng cây cao su ký ngày 19/11/2004 giữa Công ty cao su Đaklak và Cơ quan quản lý đầu tư và hợp tác trong và ngoài nước – Chính phủ Nước CHDCND Lào.
- Giấy đăng ký tô nhượng số: 016-16/KĐ/ĐT ngày 30/3/2016 (Sửa đổi lần 4) của Bộ Kế hoạch và đầu tư nước CHDCND Lào cấp cho Công ty TNHH cao su Đaklak.
- Giấy Phép kinh doanh số 0001/VNT-ĐKKD do Bộ Thương Mại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào cấp ngày 04 tháng 01 năm 2005.

- Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 2488/BKHĐT-ĐTRNN-ĐC3 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 25 tháng 12 năm 2014.
- Hợp đồng tô nhượng đất của Nhà nước để trồng cây cao su và cây công nghiệp tại Tỉnh Champasak và tỉnh Salavan ngày 31/8/2009 giữa Cơ quan quản lý đất đai quốc gia (Nước CHDCND Lào) và Công ty TNHH cao su Đaklak.
- Căn cứ thông báo số: 50/TB-CT ngày 16/10/2020 của HĐQT công ty DRI v/v: Triển khai nội dung theo nghị quyết số: 12/NQ-HĐQT ngày 16/10/2020.
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐQT ngày 04 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

2. Căn cứ kỹ thuật và cơ sở thực tiễn:

- Quy trình kỹ thuật cây cao su 2020 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam.
- Phương án tái canh được triển khai trên cơ sở nguồn lực hiện có của công ty TNHH cao su Đaklak.
- Trụ sở chính của công ty: Đường số 11, Bản Thaluong, TP Pakse, Tỉnh Champasak, CHDCND Lào.

- Nông trường 1: Bản Mayvisilay, Huyện Bachieng, Tỉnh Champasak.

Quản lý: 2.643,41 ha đất trồng cây cao su.

- Nông trường 2: Bản Vankhanan, Huyện Lao Ngam, Tỉnh Salavan.

Quản lý 2.234,09 ha đất trồng cây cao su.

- Nông trường 3: Bản Lak 29, Huyện Pathumphone, Tỉnh Champasak.

Quản lý 2.393,64 ha đất trồng cây cao su.

- Nông trường 4: Bản Noong Ké, Huyện Lao Ngam, Tỉnh Salavan.

Quản lý 1.539,36 ha đất trồng cây cao su.

- Nhà máy chế biến cao su: Bản Nong Nam Khao, Huyện Ba Chieng, Tỉnh Champasak.

Toàn bộ các đơn vị, hệ thống giao thông, trụ sở, hệ thống điện và các cơ sở vật chất khác đã được đầu tư cơ bản đáp ứng được nhu cầu quản lý và điều hành sản xuất.

- Điều kiện tự nhiên: Toàn bộ vùng đất của công ty là đất đỏ bazan, điều kiện thời tiết phù hợp với cây cao su, đã được trồng, khai thác từ năm 2005 đến năm 2020.

III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Lộ trình thanh lý vườn cây cao su

Diện tích vườn cây cao su được xác định lộ trình thanh lý trong thời gian 7 năm (trừ 304,75 ha thuê của bản 26 - Huyện Pathoumphone không trồng tái canh theo hợp đồng thuê đất, những diện tích năng suất cao, mật độ cây cao còn lớn, ít bị bệnh sẽ thực hiện tái canh sau, khi được Nhà nước Lào cho phép kéo dài hợp đồng tô nhượng hoặc chuyển sang cây trồng khác để đảm bảo đủ thời gian tô nhượng). Lộ trình thanh lý được xác định như sau:

BẢNG DIỆN TÍCH VƯỜN CÂY CAO SU THANH LÝ THEO LỘ TRÌNH

DVT: Ha

TT	Năm thanh lý	Công ty	NT1	NT2	NT3	NT4
1	2023	185.83	118.39	67.44	-	-
2	2024	111.59	56.05	55.54	-	-
3	2025	464.85	378.50	86.35	-	-
4	2026	506.72	392.80	113.92	-	-
5	2027	692.50	295.62	152.26	107.26	137.36
6	2028	1,008.20	444.32	224.47	156.89	182.52
7	2029	1,001.67	422.66	226.78	149.82	202.41
	Cộng	3,971.36	2,108.34	926.76	413.97	522.29

Năm 2023 và năm 2024 thanh lý diện tích cao su bị giồng lóc gây độ có mật độ thấp, năng suất thấp. Tuy nhiên, tùy điều kiện thực tế của Công ty có thể thanh lý sớm hơn.

Từ năm 2025 sẽ tiến hành thanh lý và trồng tái canh theo lộ trình trong thời gian 5 năm.

Từ năm KD 10, công ty chuyển sang cạo úp có kiểm soát với chế độ cạo **S3D3** trong 6 năm và cạo úp không kiểm soát **S2D3** trong 3 năm và chế độ cạo thanh lý từ 2 đến 3 năm (Chiều cao cạo úp không kiểm soát từ 2,3 mét trở lên).

Thời gian thanh lý vườn cây bắt đầu từ quý 4 đến hết quý 1 năm sau.

Vườn cây thuê đất của bản 26 không tái canh theo Hợp đồng thuê đất với Ủy ban huyện Pathumphone và Sở Nông Lâm Champasak. Diện tích 304.75 ha.

Các vườn cây tại thời điểm năm 2020, từ KD 1 đến KD7, KTCB, tăng năm không đưa vào lộ trình thanh lý do tác động bởi thời gian thuê đất. Chỉ đưa vào lộ trình thanh lý vườn cây đủ chu kỳ khai thác 18 năm. Nếu sau này thỏa thuận được với chính phủ thuê đất chu kỳ 2 sẽ đưa vào lộ trình thanh lý. Diện tích: 4.839,14 ha.

2. Trồng tái canh:

2.1 Giống cao su:

Giống cao su trồng tái canh theo định hướng “Mủ - Gỗ”. Lựa chọn giống cao su được Viện nghiên cứu cao su Việt Nam khuyến cáo trong bộ cơ cấu giống để trồng như: RRIV 209, RRIV 106, PB312, RRIM 712... và mỗi lô trồng một giống, không trồng liên vùng quá 200 ha cho một giống. Các giống có đặc tính như:

- Sản lượng mủ cao, trữ lượng gỗ cao vào cuối chu kỳ.
- Thích nghi rộng với các điều kiện đất trồng và khí hậu.
- Vỏ mặt cạo mềm và tái sinh tốt
- Đáp ứng kích thích mủ cao su tốt.
- Phân cành tốt, không cần tạo tán.

2.2 Cây giống:

- Để chủ động cây giống và nâng cao chất lượng vườn cây cao su hàng năm cần lập vườn ươm giống cao su.
- Việc đầu tư chăm sóc vườn nhân, vườn ươm theo quy trình kỹ thuật hiện hành của công ty.
- Để bắt đầu trồng tái canh từ năm 2025, thì việc làm vườn nhân phải bắt đầu từ năm 2023.

2.2.1 Vườn nhân:

- Vườn nhân cho khoảng 30 000 mét gỗ ghép/ha tương ứng 300.000 mắt ghép. Hàng năm cần 500.000 đến 600.000 cây giống. Do đó, cần xây dựng vườn nhân với diện tích 03 ha (Mỗi loại giống 1,5 ha).

2.2.2 Vườn ươm stump trần và vườn bầu 2 tầng lá:

- Mật độ thiết kế: 80.000 điểm/ha, hàng kép cách nhau 90 cm và 02 hàng đơn cách nhau 30 cm, cây cách cây 20 cm và trồng kiểu nanh sấu.
- 01 ha vườn ươm cung ứng giống cho khoảng 80 ha vườn cao su trồng mới. Do đó, thành lập các tổ vườn ươm tại Nông trường phù hợp với quy mô diện tích tái canh.

2.3 Thực hiện đầu tư:

- Việc thực hiện đầu tư trồng mới sẽ sau 01 năm theo lộ trình thanh lý.
- Tổng diện tích tái canh trồng mới: 3.971,36 ha
- Vốn đầu tư nông nghiệp cho 01 ha cao su TM - KTCB: **57.121.875** Kip/ha. Chi tiết như sau:

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ 01 HA CAO SU TM- KTCB

ĐVT: KIP/ha

STT	Loại hình	Tổng vốn đầu tư	Giá trị đầu tư	Lãi vay đầu tư
1	Trồng mới	18.184.375	14.547.500	3.636.875
2	KTCB 1	7.487.500	5.990.500	1.497.500
3	KTCB 2	6.618.750	5.295.000	1.323.750
4	KTCB 3	6.618.750	5.295.000	1.323.750
5	KTCB 4	6.081.250	4.865.000	1.216.250
6	KTCB 5	6.081.250	4.865.000	1.216.250
7	KTCB 6	6.050.000	4.840.000	1.210.000
*	Tổng	57.121.875	45.697.500	11.424.375

- Lãi vay chiếm 20% trong tổng đầu tư nông nghiệp.
- Vốn vay ngân hàng chiếm 25% tổng mức đầu tư dự án. Tuy nhiên, lãi vay phân bổ theo giá trị đầu tư vườn cây từng năm KTCB.
- Tổng vốn đầu tư nông nghiệp trồng mới, chăm sóc (7 năm): **226.851.530.000 KIP**. Chi tiết qua các năm như sau:

BẢNG TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ VƯỜN CÂY CAO SU TÁI CANH

ĐVT: 1.000 KIP

Năm đầu tư	Tổng vốn đầu tư	Trồng mới	KTCB 1	KTCB 2	KTCB 3	KTCB 4	KTCB 5	KTCB 6
2024	3,379,202	3,379,202						
2025	3,420,597	2,029,194	1,391,402					
2026	10,518,499	8,453,007	835,530	1,229,962				
2027	14,663,500	9,214,387	3,480,564	738,586	1,229,962			
2028	21,332,137	12,592,680	3,794,066	3,076,726	738,586	1,130,079		
2029	31,757,845	18,333,487	5,185,094	3,353,853	3,076,726	678,607	1,130,079	
2030	38,330,725	18,214,743	7,548,898	4,583,484	3,353,853	2,826,869	678,607	1,124,272
2031	25,339,992		7,500,004	6,673,024	4,583,484	3,081,491	2,826,869	675,120
2032	23,407,926	-	-	6,629,803	6,673,024	4,211,266	3,081,491	2,812,343
2033	20,037,841	-	-	-	6,629,803	6,131,116	4,211,266	3,065,656
2034	16,412,147	-	-	-	-	6,091,406	6,131,116	4,189,625
2035	12,191,016	-	-	-			6,091,406	6,099,610
2036	6,060,104	-	-	-	-	-		6,060,104
Tổng	226,851,530	72,216,700	29,735,558	26,285,439	26,285,439	24,150,833	24,150,833	4,026,728

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn vay ngân hàng thương mại, vốn KHCB TSCĐ tái đầu tư, vốn tự có (quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận, ...)

Trong đó: + Vốn vay ngân hàng: 25%

+ KHCB TSCĐ tái đầu tư 65%

+ Nguồn vốn tự có (Quỹ đầu tư phát triển): 10%

- Vốn vay ngân hàng thương mại với các điều kiện dự kiến:

+ Lãi suất vay USD: 9%/năm.

+ Thời gian trả: 6 năm, ân hạn 2-3 năm.

+ Đồng tiền vay: KIP, USD

Chi tiết nguồn vốn đầu tư hàng năm như sau:

NGUỒN VỐN VỐN ĐẦU TƯ VƯỜN CÂY CAO SU TÁI CANH

ĐVT: 1.000 KIP

Năm đầu tư	Tổng vốn đầu tư	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn KHCB	Nguồn vốn vay NH
2024	3,379,202	1,984,356	1,394,846	-
2025	3,420,597	2,344,770	1,075,827	-
2026	10,518,499	2,177,990	8,340,509	-
2027	14,663,500	1,539,485	13,124,014	-
2028	21,332,137	1,868,154	19,463,983	-
2029	31,757,845	970,970	30,786,875	21,081,898
2030	38,330,725	879,502	16,369,325	12,669,995
2031	25,339,992	1,206,257	11,463,740	11,703,963
2032	23,407,926	1,946,177	9,757,786	7,414,001
2033	20,037,841	2,047,998	10,575,842	4,103,036

Năm đầu tư	Tổng vốn đầu tư	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn KHCB	Nguồn vốn vay NH
2034	16,412,147	2,209,452	10,099,659	21,081,898
2035	12,191,016	2,234,545	9,956,471	8,758,867
2036	6,060,104	2,491,309	3,568,794	4,323,399
Tổng	226,851,530	23,900,966	145,977,671	56,972,893

- Nguồn vốn vay ngân hàng chiếm 25% tổng mức đầu tư. Tuy nhiên, tùy điều kiện cụ thể từng năm Công ty sẽ cân đối các nguồn tài trợ đảm bảo hiệu quả cao nhất cho Công ty.

- Đây là phương án tái canh một phần diện tích vườn cây nên không thực hiện vay ngay từ đầu mà sử dụng các nguồn tài trợ khác là quỹ đầu tư phát triển và nguồn khấu hao tái đầu tư.

3. Sản lượng - chi phí SXKD:

3.1 Năng suất dự kiến:

STT	Năm kinh doanh	Năng suất bình quân (tấn/ha)	Chế độ cạo
1	Cao su KD 1	0.80	Cạo ngựa S2D3
2	Cao su KD 2	1.50	Cạo ngựa S2D3
3	Cao su KD 3	1.80	Cạo ngựa S2D3
4	Cao su KD 4	2.00	Cạo ngựa S2D3
5	Cao su KD 5	2.00	Cạo ngựa S2D3
6	Cao su KD 6	2.10	Cạo ngựa S2D3
7	Cao su KD 7	2.10	Cạo ngựa S2D3
8	Cao su KD 8	1.90	Cạo ngựa S2D3
9	Cao su KD 9	1.60	Cạo ngựa S2D3
10	Cao su KD 10	2.10	Cạo úp có kiểm S3D3
11	Cao su KD 11	2.10	Cạo úp có kiểm S3D3
12	Cao su KD 12	2.10	Cạo úp có kiểm S3D3
13	Cao su KD 13	2.00	Cạo úp có kiểm S3D3
14	Cao su KD 14	2.00	Cạo úp có kiểm S3D3
15	Cao su KD 15	2.00	Cạo úp có kiểm S3D3
16	Cao su KD 16	1.80	Cạo úp không kiểm soát S3D3
17	Cao su KD 17	1.80	Cạo úp không kiểm soát S3D3
18	Cao su KD 18	1.80	Cạo úp không kiểm soát S3D3
19	Cao su KD 19	1.60	Cạo tận thu
20	Cao su KD 20	1.60	Cạo tận thu
21	Cao su KD 21	1.40	Cạo tận thu
22	Cao su KD 22	1.40	Cạo tận thu
	Tổng	39.50	

3.2. Sản lượng:

Căn cứ vào năng suất bình quân của từng loại hình vườn cây cao su và diện tích tương ứng, sản lượng hàng năm dự kiến như sau:

Năm	Diện tích (ha)	Năng suất BQ (tấn/ha)	Sản lượng (tấn)	Ghi chú
2021	8,632.14	1.91	16,500	
2022	8,663.71	1.97	17,034	
2023	8,663.71	2.00	17,368	
2024	8,528.81	2.02	17,246	
2025	8,513.08	2.00	17,055	
2026	8,048.23	1.97	15,881	
2027	7,541.51	1.94	14,623	
2028	6,849.01	1.92	13,170	
2029	5,840.81	1.89	11,055	
2030	4,839.14	1.87	9,069	
2031	5,024.97	1.79	8,998	
2032	5,136.56	1.73	8,874	
2033	5,601.41	1.58	8,858	
2034	6,108.13	1.53	9,361	
2035	6,800.63	1.49	10,157	
2036	7,808.83	1.47	11,483	
2037	8,810.50	1.50	13,251	
2038	8,810.50	1.62	14,264	
2039	8,810.50	1.67	14,678	
2040	8,810.50	1.69	14,870	
2041	8,810.50	1.67	14,746	
2042	8,810.50	1.68	14,771	
2043	8,810.50	1.65	14,578	
2044	8,810.50	1.63	14,400	
2045	8,810.50	1.65	14,538	
2046	8,810.50	1.70	14,951	
2047	8,810.50	1.69	14,859	
2048	8,810.50	1.66	14,665	
2049	8,810.50	1.64	14,427	
2050	8,810.50	1.62	14,266	
2051	8,810.50	1.58	13,934	
2052	8,810.50	1.54	13,610	
2053	8,810.50	1.52	13,378	
2054	8,810.50	1.48	13,076	

3.3 Tổng chi phí SXKD:

* Các thông số cơ bản của phương án:

- Giá bán cao su bình quân: 1.400 USD/tấn.
- Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tương đương 2020.
- Gỗ cao su thanh lý khi tái canh dự kiến thu là 1.500 USD/ha, tùy tình hình từ năm 2025 Công ty có thể phát triển thêm nhà máy chế biến gỗ cao su để tận dụng nguồn gỗ này làm tăng giá trị gia tăng cho Công ty.
- Trích quỹ đầu tư phát triển bình quân 10-15%/lợi nhuận sau thuế.
- Vườn cây dự kiến thanh lý 2023, 2024 có thể thực hiện sớm hơn nếu điều kiện cho phép.

Căn cứ định mức nhân công vật tư, tỷ giá USD 9.300 KIP/USD, tổng hợp giá vốn qua các năm như sau:

Năm	Diện tích Khai thác	Sản lượng	Tổng chi phí SXKD		Giá vốn	
	(Ha)	(Tấn)	KIP	QUY USD	Kip/tấn	USD/tấn
2021	8,632.14	16,500.04	199,581,047,899	21,460,328	12,095,789	1,301
2022	8,663.71	17,034.00	200,947,776,677	21,607,288	11,796,864	1,268
2023	8,663.71	17,368.46	204,292,956,123	21,966,985	11,762,296	1,265
2024	8,528.81	17,245.56	199,732,674,755	21,476,632	11,581,690	1,245
2025	8,513.08	17,054.82	199,228,768,239	21,422,448	11,681,671	1,256
2026	8,048.23	15,880.50	186,607,987,447	20,065,375	11,750,762	1,264
2027	7,541.51	14,623.29	180,812,085,138	19,442,160	12,364,663	1,330
2028	6,849.01	13,169.98	162,185,583,945	17,439,310	12,314,795	1,324
2029	5,840.81	11,055.14	145,774,130,398	15,674,638	13,186,092	1,418
2030	4,839.14	9,068.51	107,078,194,978	11,513,784	11,807,697	1,270
2031	5,024.97	8,998.15	102,077,730,356	10,976,100	11,344,299	1,220
2032	5,136.56	8,874.43	91,217,860,890	9,808,372	10,278,729	1,105
2033	5,601.41	8,858.04	89,731,746,179	9,648,575	10,129,974	1,089
2034	6,108.13	9,360.81	94,259,566,544	10,135,437	10,069,597	1,083
2035	6,800.63	10,157.38	104,317,240,314	11,216,908	10,270,096	1,104
2036	7,808.83	11,482.56	118,361,550,248	12,727,048	10,307,942	1,108
2037	8,810.50	13,250.99	139,019,140,153	14,948,295	10,491,230	1,128
2038	8,810.50	14,264.34	148,040,221,245	15,918,303	10,378,342	1,116
2039	8,810.50	14,677.54	152,715,614,259	16,421,034	10,404,712	1,119
2040	8,810.50	14,870.08	156,729,793,158	16,852,666	10,539,944	1,133
2041	8,810.50	14,745.75	157,895,136,109	16,977,972	10,707,843	1,151
2042	8,810.50	14,771.32	159,789,688,573	17,181,687	10,817,562	1,163
2043	8,810.50	14,577.54	160,434,765,272	17,251,050	11,005,615	1,183

Năm	Diện tích Khai thác	Sản lượng	Tổng chi phí SXKD		Giá vốn	
	(Ha)	(Tấn)	KIP	QUY USD	Kip/tấn	USD/tấn
2044	8,810.50	14,399.65	160,432,764,359	17,250,835	11,141,437	1,198
2045	8,810.50	14,537.59	161,536,998,966	17,369,570	11,111,677	1,195
2046	8,810.50	14,950.59	164,690,489,420	17,708,655	11,015,654	1,184
2047	8,810.50	14,859.02	164,514,758,181	17,689,759	11,071,711	1,191
2048	8,810.50	14,665.23	163,076,999,521	17,535,161	11,119,976	1,196
2049	8,810.50	14,426.55	159,971,098,057	17,201,193	11,088,658	1,192
2050	8,810.50	14,265.73	157,275,557,961	16,911,350	11,024,708	1,185
2051	8,810.50	13,933.96	152,450,182,154	16,392,493	10,940,910	1,176
2052	8,810.50	13,609.96	146,386,359,540	15,740,469	10,755,824	1,157
2053	8,810.50	13,378.49	139,235,959,071	14,971,609	10,407,448	1,119
2054	8,810.50	13,075.51	130,313,446,015	14,012,198	9,966,224	1,072

*** Giá trị khấu hao tài sản cố định hàng năm như sau:**

- Khi thanh lý vườn cây chưa hết chu kỳ khai thác làm cho thiệt hại đầu tư lớn. Vì vậy, để tránh thiệt hại đầu tư lớn trong hoạt động kinh doanh những năm về sau, Công ty cần điều chỉnh khấu hao vườn cây cho phù hợp với chu kỳ khai thác mới là 18 năm thay cho thời gian cũ là 25 năm.

- Giá trị còn lại của vườn cây khi thanh lý sẽ cân đối với doanh thu từ gỗ cao su, đảm bảo giá thành của từng năm kinh doanh hợp lý.

- Khi thay đổi phương pháp khấu hao còn 18 năm sẽ làm cho giá thành toàn chu kỳ tăng lên 12,9% so so với khấu hao 25 năm do rút ngắn thời gian khai thác hiệu quả của cây. Tương đương giá thành từng năm sẽ tăng lên 0,72% so với chu kỳ 25 năm.

Bảng tổng hợp khấu hao thay đổi từ 25 năm xuống 18 năm, từ năm 2021-2023:

DVT: KIP

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Bình quân
Khấu hao 25 năm	24,531,500,359	26,197,062,504	27,404,594,673	78,133,157,535
Khấu hao 18 năm	29,026,091,023	29,331,735,159	30,040,911,452	88,398,737,634
Chênh lệch (18-20)	4,494,590,664	3,134,672,656	2,636,316,780	10,265,580,099
Bình quân/ tấn	272,399	184,393	155,077	203,279
Quy USD	29.29	19.83	16.67	21.86

Chi tiết khấu hao toàn chu kỳ tại bảng sau đây:

ĐVT: 1.000 Kip

Năm	Tổng cộng	KH VC cao su trước tái canh	GTCL vườn cao su thanh lý	KH VC cao su tái canh	Chi phí KH TSCĐ khác
2021	36,730,846,728	29,026,091,023		-	7,704,755,705
2022	36,778,994,488	29,331,735,159		-	7,447,259,329
2023	39,974,304,164	30,040,911,452	3,732,554,449	-	6,200,838,262
2024	39,856,225,068	30,390,466,581	3,888,253,225	-	5,577,505,262
2025	42,416,936,039	29,740,907,145	7,900,027,233	-	4,776,001,662
2026	39,417,138,165	28,398,681,445	6,250,368,742	-	4,768,087,978
2027	44,261,114,159	26,058,474,854	13,201,762,780	-	5,000,876,525
2028	32,627,428,982	22,825,472,027	4,529,286,960	-	5,272,669,995
2029	39,857,761,902	23,793,955,634	10,573,017,180	-	5,490,789,088
2030	21,854,381,382	16,149,845,563	-	-	5,704,535,819
2031	16,334,653,157	10,630,117,327	-	-	5,704,535,830
2032	14,619,552,957	10,318,765,355	-	195,688,862	4,105,098,740
2033	14,851,564,504	10,247,468,339	-	1,108,394,862	3,495,701,304
2034	14,654,149,759	9,002,788,081	-	2,461,905,516	3,189,456,162
2035	15,501,886,766	8,016,533,885	-	4,402,329,040	3,083,023,841
2036	14,228,148,485	4,008,266,942	-	7,184,714,379	3,035,167,163
2037	17,356,768,253	4,008,266,942	-	10,322,125,938	3,026,375,373
2038	19,071,844,349	4,008,266,942	-	12,063,577,407	3,000,000,000
2039	20,031,108,161	4,008,266,942	-	13,022,841,219	3,000,000,000
2040	20,235,457,157	4,008,266,942	-	13,227,190,214	3,000,000,000
2041	16,556,953,609	420,782,990		13,136,170,619	3,000,000,000
2042	16,839,025,342	316,938,022		13,522,087,320	3,000,000,000
2043	16,654,848,641	316,557,523		13,338,291,119	3,000,000,000
2044	16,176,646,021	206,257,592		12,970,388,429	3,000,000,000
2045	16,339,021,365	0		13,339,021,365	3,000,000,000
2046	17,212,361,367	0		14,212,361,367	3,000,000,000
2047	16,869,582,878	0		13,869,582,878	3,000,000,000
2048	16,106,260,691	0		13,106,260,691	3,000,000,000
2049	15,211,769,944	0		12,211,769,944	3,000,000,000
2050	14,006,615,938	0		11,006,615,938	3,000,000,000
2051	11,867,688,243	0		8,867,688,243	3,000,000,000
2052	9,499,499,446	0		6,499,499,446	3,000,000,000
2053	7,405,774,803	0		4,405,774,803	3,000,000,000
2054	4,762,291,871	0		1,762,291,871	3,000,000,000
Tổng	736,168,604,782	335,274,084,706	50,075,270,569	216,236,571,469	134,582,678,038

4. Hiệu quả phương án:

4.1 Tổng vốn đầu tư:

- Tổng vốn đầu tư trồng mới chăm sóc (7 năm): **264.380.455.000 KIP**, được chia theo hạng mục như sau:

STT	Hạng mục	Số tiền (1.000 KIP)	Ghi chú
1	Đầu tư nông nghiệp	226.851.530	
2	Đầu tư XDCB	23.939.380	
3	Chi phí dự phòng	13.589.545	
*	Tổng cộng:	264.380.455	

4.2 Cơ cấu nguồn vốn:

- Quỹ đầu tư phát triển 10% : 26.438.045.500 kip
- Vốn KHCB tái đầu tư 65%: 171.847.295.750 kip
- Vốn vay ngân hàng 25%: 66.095.113.750 kip

4.3 Tiến độ đầu tư:

- Tùy điều kiện thực tế của Công ty, diện tích vườn cây 297,42 ha có thể tái canh trước thời điểm 2023, 2024.

- Diện tích còn lại bắt đầu thực hiện tái canh năm 2025 theo kế hoạch.

4.4 Hiệu quả phương án qua các năm:

ĐVT: 1.000 kip

Năm	Doanh thu		Thu nhập khác (cây CS)	Giá vốn	Lợi nhuận	Thuế TNDN 20%	Lợi nhuận ròng
	S.lượng (tấn)	Thành tiền					
2021	17,000	221,340,564	-	199,581,048	21,759,516	4,351,903	17,407,613
2022	17,034	221,782,667	-	200,947,777	20,834,890	4,166,978	16,667,912
2023	17,368	226,137,336	-	204,292,956	21,844,380	4,368,876	17,475,504
2024	17,246	224,537,126	-	199,732,675	24,804,451	4,960,890	19,843,561
2025	17,055	222,053,730	6,484,658	199,228,768	29,309,620	5,861,924	23,447,696
2026	15,881	206,764,123	7,068,744	186,607,987	27,224,880	5,444,976	21,779,904
2027	14,623	190,395,275	9,660,375	180,812,085	19,243,565	3,848,713	15,394,852
2028	13,170	171,473,114	14,064,390	162,185,584	23,351,920	4,670,384	18,681,536
2029	11,055	143,937,962	13,973,297	145,774,130	12,137,128	2,427,426	9,709,702
2030	9,069	118,071,974	-	107,078,195	10,993,779	2,198,756	8,795,023
2031	8,998	117,155,939	-	102,077,730	15,078,209	3,015,642	12,062,567
2032	8,874	115,545,079	-	91,217,861	24,327,218	4,865,444	19,461,774
2033	8,858	115,331,720	-	89,731,746	25,599,974	5,119,995	20,479,979
2034	9,361	121,877,720	-	94,259,567	27,618,154	5,523,631	22,094,523

Năm	Doanh thu		Thu nhập khác (cây CS)	Giá vốn	Lợi nhuận	Thuế TNDN 20%	Lợi nhuận ròng
	S.lượng (tấn)	Thành tiền					
2035	10,157	132,249,049	-	104,317,240	27,931,808	5,586,362	22,345,447
2036	11,483	149,502,918	-	118,361,550	31,141,368	6,228,274	24,913,094
2037	13,251	172,527,838	-	139,019,140	33,508,698	6,701,740	26,806,958
2038	14,264	185,721,733	-	148,040,221	37,681,512	7,536,302	30,145,209
2039	14,678	191,101,623	-	152,715,614	38,386,009	7,677,202	30,708,807
2040	14,870	193,608,416	-	156,729,793	36,878,622	7,375,724	29,502,898
2041	14,746	191,989,613	-	157,895,136	34,094,477	6,818,895	27,275,581
2042	14,771	192,322,612	-	159,789,689	32,532,924	6,506,585	26,026,339
2043	14,578	189,799,532	-	160,434,765	29,364,766	5,872,953	23,491,813
2044	14,400	187,483,417	-	160,432,764	27,050,653	5,410,131	21,640,522
2045	14,538	189,279,422	-	161,536,999	27,742,423	5,548,485	22,193,938
2046	14,951	194,656,643	-	164,690,489	29,966,153	5,993,231	23,972,923
2047	14,859	193,464,427	-	164,514,758	28,949,669	5,789,934	23,159,735
2048	14,665	190,941,282	-	163,077,000	27,864,282	5,572,856	22,291,426
2049	14,427	187,833,707	-	159,971,098	27,862,609	5,572,522	22,290,087
2050	14,266	185,739,857	-	157,275,558	28,464,299	5,692,860	22,771,439
2051	13,934	181,420,133	-	152,450,182	28,969,951	5,793,990	23,175,961
2052	13,610	177,201,705	-	146,386,360	30,815,346	6,163,069	24,652,277
2053	13,378	174,187,966	-	139,235,959	34,952,007	6,990,401	27,961,605
2054	13,076	170,243,114	-	130,313,446	39,929,668	7,985,934	31,943,735
	463,992	6,047,679,334		5,160,715,872	938,214,925	187,642,985	750,571,940

*** Dòng ngân lưu của dự án:**

ĐVT: 1.000 kip

Năm	DÒNG TIỀN VÀO			DÒNG TIỀN RA				Cân đối dòng tiền
	Quỹ ĐTPT	Khấu hao TS	Tiền vay	ĐT vườn cây	XDCB	Trả nợ vay	Dự phòng 5%	
2021	1,740,761	36,730,847		791,152	5,000,000	26,673,590	289,558	5,717,308
2022	1,666,791	36,778,994		791,152	5,000,000	26,673,590	289,558	5,691,485
2023	1,747,550	39,974,304		395,576	5,000,000	26,663,240	269,779	9,393,260
2024	1,984,356	39,856,225	-	3,379,202	3,371,660	34,432,757	337,543	319,419
2025	2,344,770	42,416,936	-	3,420,597	3,223,180	-	332,189	37,785,740
2026	2,177,990	39,417,138	-	10,518,499	3,929,700	-	722,410	26,424,519
2027	1,539,485	44,261,114	-	14,663,500	4,013,440	-	933,847	26,189,813
2028	1,868,154	32,627,429	-	21,332,137	4,385,000	-	1,285,857	7,492,589
2029	970,970	39,857,762	-	31,757,845	5,016,400	-	1,838,712	2,215,775
2030	879,502	21,854,381	21,081,898	38,330,725	3,000,000	-	2,066,536	418,520
2031	1,206,257	16,334,653	12,669,995	25,339,992	3,000,000	-	1,417,000	453,913
2032	1,946,177	14,619,553	11,703,963	23,407,926	3,000,000	-	1,320,396	541,371
2033	2,047,998	14,851,565	7,414,001	20,037,841	3,000,000	-	1,151,892	123,830
2034	2,209,452	14,654,150	4,103,036	16,412,147	3,000,000	-	970,607	583,884
2035	2,234,545	15,501,887	-	12,191,016	3,000,000	-	759,551	1,785,865
2036	2,491,309	14,228,148	-	6,060,104	3,000,000	-	453,005	7,206,349
2037	2,680,696	17,356,768		-	3,000,000	4,216,380	150,000	12,671,084
2038	3,014,521	19,071,844		-	3,000,000	6,750,379	150,000	12,185,987
2039	3,070,881	20,031,108		-	3,000,000	9,091,171	150,000	10,860,818
2040	2,950,290	20,235,457		-	3,000,000	10,573,971	150,000	9,461,776
2041	2,727,558	16,556,954		-	3,000,000	11,394,579	150,000	4,739,933
2042	2,602,634	16,839,025		-	3,000,000	7,178,199	150,000	9,113,460
2043	2,349,181	16,654,849		-	3,000,000	4,644,200	150,000	11,209,830
2044	2,164,052	16,176,646		-	3,000,000	2,303,407	150,000	12,887,291
2045	2,219,394	16,339,021		-	3,000,000	820,607	150,000	14,587,808
2046	2,397,292	17,212,361		-	3,000,000	-	150,000	16,459,654
2047	2,315,974	16,869,583		-	3,000,000	-	150,000	16,035,556
2048	2,229,143	16,106,261		-	3,000,000	-	150,000	15,185,403

2049	2,229,009	15,211,770		-	3,000,000	-	150,000	14,290,779
2050	2,277,144	14,006,616		-	3,000,000	-	150,000	13,133,760
2051	2,317,596	11,867,688		-	3,000,000	-	150,000	11,035,284
2052	2,465,228	9,499,499		-	3,000,000	-	150,000	8,814,727
2053	2,796,161	7,405,775		-	3,000,000	-	150,000	7,051,935
2054	3,194,373	4,762,292		-	3,000,000	-	150,000	4,806,665

- Giá trị hiện tại ròng của dự án (NPV) là 106.095.279.000 Kip. Dự án đầu tư khả thi.

*** Gõ cao su thanh lý sẽ tìm kiếm khách hàng bán cây đứng hoặc có phương án sản xuất sau khi nghiên cứu tìm hiểu thị trường.**

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

1. Kết luận:

- Các điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội trong vùng dự án đã cho thấy việc tái canh trồng mới là hợp lý và cần thiết, phù hợp với phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bền vững.

- Dự án sẽ khai thác tài nguyên hợp lý, tạo nên nền sản xuất nông nghiệp bền vững, cải thiện đời sống kinh tế - văn hoá của vùng dự án, tăng sản phẩm cho xã hội, ổn định môi trường sinh thái.

- Phù hợp với thời gian thuê đất theo giấy phép đầu tư của Công ty.

- Dự án mang lại hiệu quả tổng hợp về kinh tế xã hội, không những đóng góp cho ngân sách Nhà nước mà còn mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty, nhất là tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân.

2. Kiến nghị

- Sớm xem xét, kiến nghị chính phủ Lào thuê đất giai đoạn 2 trong thời gian tới để tiến hành tái canh đồng bộ.

- Thông qua chủ trương chuyển đổi chu kỳ khai thác và thời gian khấu hao từ 25 năm xuống còn 18 năm.

- Thông qua chủ trương nguồn vốn vay dài hạn chiếm 25% , khấu hao giữ lại tái đầu tư là 65% và Quỹ đầu tư phát triển 10% tổng mức đầu tư dự án.

- Thông qua phương án tái canh làm cơ sở cho các định hướng khai thác, khấu hao, phương án sử dụng đất trong thời gian sắp tới.

Trên đây là nội dung Phương án tái canh thanh lý vườn cao su tại Công ty TNHH cao su Daklak. Kính trình HĐQT xem xét và cho ý kiến chỉ đạo.

Nơi nhận:

- HĐQT;

- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Lê Thanh Tân